



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 38554645 – Fax: 08. 38564307

Website: stb.com.vn

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
của
CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC:

I. Thông tin chung:

- 1- Thông tin khái quát
- 2- Quá trình hình thành và phát triển
- 3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 5- Định hướng phát triển
- 6- Các rủi ro

II. Tình hình hoạt động trong năm:

- 1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2- Tổ chức- nhân sự
- 3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án trong năm 2015
- 4- Tình hình tài chính trong năm 2015
- 5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III. Báo cáo và đánh giá của Ban tổng giám đốc:

- 1- Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2- Tình hình tài chính
- 3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

- 1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty:

- 1- Hội đồng quản trị
- 2- Ban Kiểm soát
- 3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính:

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0301325347
- Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng).
- Vốn chủ sở hữu: 104.644.856.541 đồng (Một trăm lẻ bốn tỷ, sáu trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng).
- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (08) 38554645
- Số fax: (08) 38564307
- Website: stb.com.vn
- Mã số cổ phiếu: STC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày thành lập:

Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo quyết định số 290/QĐ-UB ngày 28/12/1984 của UBND TP. HCM, từ sự hợp nhất của Phòng Phát hành – Thư viện và Trung tâm Thiết Bị Trường Học thuộc Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP. HCM.

Ngày 12/3/1993, công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM được chuyển thành doanh nghiệp Nhà Nước thuộc UBND TP.HCM – Đơn vị chủ quản là Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM, hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân theo quyết định số 92/QĐ-UB của UBND TP.HCM và giấy đăng ký kinh doanh số: 102459 do Trọng tài Kinh tế cấp ngày 20/3/1993.

Năm 2001, thực hiện chủ trương của UBND TP. HCM về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà Nước theo quyết định số 4949/QĐ-UB ngày 09/8/2001, xí nghiệp Học Cù và xí nghiệp In Chuyên Dùng đã sáp nhập và công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM, hoạt động trên cơ sở tổng hợp chức năng của 3 đơn vị trước sáp nhập thành một.

+ Thời điểm niêm yết:

Sau thời gian gần 6 tháng hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, ngày 27/12/2006, công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM đã chính thức giao dịch cổ phiếu ngày đầu tiên trên thị trường chứng khoán, tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là STC:

* Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số: 63/TTGDHN-ĐKGD ngày 06/12/2006, do Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.

* Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số: 55/2006/GCNCP-TTLK ngày 21/12/2006, do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp.

- Những sự kiện quan trọng:

+ Thực hiện quyết định số 131/2005/QĐ-TTg ngày 02/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà Nước thuộc UBND TP.HCM sang hình thức công ty cổ phần.

+ Sau khi UBND TP.HCM ra quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 31/8/2005 về phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM, đến ngày 23/12/2005 UBND TP.HCM ra quyết định số 6500/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM trực thuộc Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM thành công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM.

+ Ngày 04/7/2006, công ty chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp. Trước đó, ngày 14/4/2006, UBND TP.HCM ra quyết định số 1747 về việc chuyển công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM về Nhà xuất bản Giáo Dục (thuộc Bộ Giáo Dục và Đào Tạo) để hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Sau đó, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ra quyết định số 4336/QĐ-BGDĐT tiếp nhận công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM về trực thuộc Nhà xuất bản Giáo Dục.

+ Ngày 10/4/2007, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 1 để bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

+ Ngày 09/6/2008, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 2 để bổ sung vốn điều lệ từ 28.800.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng) thành 56.655.300.000 đồng (năm mươi sáu tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng).

+ Ngày 18/10/2008, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 3 để bổ sung thành lập các cửa hàng: Cửa hàng Sách và Thiết Bị Trường Học Phú Nhuận và Cửa hàng Nguyễn Tri Phương.

+ Ngày 05/02/2010, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 4 để bổ sung thành lập Cửa hàng Sách và Thiết Bị Trường Học Bình Thạnh.

+ Ngày 25/02/2014, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 5, thay đổi người đại diện pháp luật từ ông Từ Văn Sơn sang ông Ngô Trần Vinh.

+ Ngày 24/10/2014, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 6, để bổ sung ngành nghề: Giáo Dục Mầm Non.

+ Ngày 29/01/2015, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 7, thay đổi người đại diện pháp luật từ ông Ngô Trần Vinh sang ông Trần Văn Hưng.

- Các sự kiện khác: Trong quá trình hoạt động, công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đã đạt được một số thành tích:

+ Năm 1983: Huân chương lao động hạng Ba do Nhà Nước trao tặng.

+ Năm 1988: Huân chương lao động hạng Nhì do Nhà Nước trao tặng.

+ Năm 1996: Huân chương lao động hạng Nhất do Nhà Nước trao tặng.

+ Năm 1993 đến nay: Công ty luôn được xếp loại doanh nghiệp loại 1.

+ Năm 2000: Công ty được bình chọn “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.

+ Năm 2006: Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng, theo quyết định số: 148/QĐ-TCNS ngày 10/02/2007.

+ Năm 2007:

* Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng, theo quyết định số: 63/QĐ-TCNS ngày 19/01/2008.

* Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2007”, theo quyết định số 1240/QĐ-BGD-ĐT ngày 21/3/2008.

+ Năm 2008:

* Công ty đạt giải thưởng – cúp vàng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” – năm 2008, do: Hiệp hội chứng khoán Việt Nam, Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, Tạp chí Chứng khoán Việt Nam - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, công ty Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp VN, công ty cổ phần văn hóa thông tin Thăng Long cùng phối hợp tổ chức bầu chọn.

* Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng, theo quyết định số: 63/QĐ-TCNS ngày 12/01/2009.

* Bằng khen của Bộ Giáo Dục tặng đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong công tác “Phát hành sách giáo dục năm 2008”, quyết định số 2170/QĐ-BGD-ĐT ngày 03/3/2009.

+ Năm 2009:

* Tháng 6/2009, Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM được cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 / ISO 9001: 2008

* Công ty đã nhận bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh số 3149/QĐUB, ngày 26/6/2009: Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, tham gia ngày “Hội phát triển Giáo dục TP. Hồ Chí Minh năm 2009”.

* Cũng trong tháng 6/2009, chi nhánh xí nghiệp In của Công ty đã tách ra thành công ty TNHH một thành viên in Chuyên Dùng, 100% vốn là của công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

* Tháng 10/2009: Công ty đạt giải thưởng – danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội năm 2009”, do: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Báo Đầu Tư Chứng Khoán cùng phối hợp tổ chức bầu chọn.

+ Năm 2010:

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam công nhận và khen thưởng công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2009, theo quyết định số 67/QĐ-TCNS ngày 22/01/2010.

* Tháng 3/2010, thành lập cửa hàng bán lẻ Bình Thạnh, tại 122 Phan Văn Trị, quận Bình Thạnh, TP.HCM. Hạch toán phụ thuộc Công ty.

* Nhận bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ năm 2009, quyết định số 1592/QĐ-BGDĐT ngày 27/4/2010.

* 06/5/2010, thành lập công ty con (51% vốn của công ty mẹ): công ty cổ phần giáo dục An Đông, vốn điều lệ là 3 tỷ đồng. Ngành nghề: Giáo dục tiểu học. Giáo dục THCS. Giáo dục THPT. Dạy nghề. Dạy ngoại ngữ, dạy máy tính. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

* Tháng 6/2010, nhận bằng khen của UBND TP.HCM về đạt thành tích tốt trong tham gia “Ngày hội Giáo Dục phát triển TP. Hồ Chí Minh năm 2010”.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam công nhận và khen thưởng công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM hoàn thành tốt kết quả thi đua 9 tháng đầu năm 2010 khu vực phía Nam theo quyết định số 868/QĐ-TCNS ngày 19/10/2010.

* Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng bằng khen cho tập thể công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, quyết định số 2096/QĐ-TTg ngày 18/11/2010.

+ Năm 2011:

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp “Đơn vị xuất sắc của NXB Giáo Dục Việt Nam” và khen thưởng theo quyết định số 13/QĐ-TCNS ngày 12/01/2011 cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2010.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam công nhận, khen thưởng và tặng cờ thi đua danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2010” cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM theo quyết định số 18/QĐ-TCNS ngày 13/01/2011.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng lãnh đạo và CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM có nhiều thành tích trong quản lý và hoạt động SXKD, đóng góp vào thành tích chung của NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2010, quyết định số 78/QĐ-TCNS ngày 26/01/2011.

* Ngày 28/4/2011, Trung tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 1 – Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng cấp “ Giấy Chứng Nhận Phù Hợp Quy Chuẩn Kỹ Thuật” (tem CR trên sản phẩm) số: 0126 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận, Công ty được phép sản xuất “Đồ chơi trẻ em” bằng gỗ, nhựa và vải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 3:2009/BKCN, có giá trị 36 tháng kể từ ngày 28/4/2011 đến 28/4/2014.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể cán bộ công nhân viên công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM trong 6 tháng đầu năm 2011, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt hiệu quả kinh doanh cao, quyết định số 448/QĐ-TCNS ngày 14/7/2011.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể công nhân viên công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kết quả thi đua 9 tháng đầu năm 2011 khu vực phía Nam, quyết định số 627/QĐ-TCNS ngày 10/10/2011.

* Ngày 26/10/2011, Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp – Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp “Chứng Thư Thẩm Định Tín

Nhiệm Doanh Nghiệp Năm 2011” số: CRC 031/TNDN.2011/V.01 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM, thời hạn 2 năm kể từ khi được cấp Chứng thư.

Doanh nghiệp được quyền, đặc quyền trong việc sử dụng Chứng thư thẩm định này trong các hoạt động giao dịch, sản xuất kinh doanh, đấu thầu và các hoạt động khác phù hợp với quy định của Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp, pháp luật Nhà nước CHXHCN Việt Nam và thông lệ quốc tế.

TRUNG TÂM KHOA HỌC THẨM ĐỊNH TÍN NHIỆM DOANH NGHIỆP



**CHỨNG THƯ
THẨM ĐỊNH TÍN NHIỆM**

Số: CRC 031/TNDN.2011/V.02

Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp - CRC đã thẩm định, nghiên cứu, xét duyệt hồ sơ, tài liệu do doanh nghiệp cung cấp, theo đó phê chuẩn cấp Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp năm 2011 cho:

Doanh nghiệp:

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Tên viết tắt: **STB JSC**

Địa chỉ trụ sở chính: **số 223, Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh**

Lĩnh vực hoạt động chính: **mua bán SGK, sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học**

Doanh nghiệp được quyền, đặc quyền trong việc sử dụng Chứng thư thẩm định này trong các hoạt động giao dịch, sản xuất kinh doanh, đấu thầu và các hoạt động khác phù hợp với quy định của Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước CHXHCN Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp này được lập thành 03 (ba) bản chính có giá trị pháp lý như nhau.

Chứng thư thẩm định tín nhiệm được cấp theo Quyết định số: 042/2011/QĐ-CRC ngày 26/10/2011.

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2011

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Th.S. Nguyễn Thị Hồng Hà



ENTERPRISE CREDIT RATING APPRAISE SCIENCE CENTER



**CERTIFICATE
CREDIT RATING APPRAISE**

No.CRC 031/TNDN.2011/E.01

Enterprise Credit Rating Appraise Science Center - CRC has verified, researched, and reviewed records and documents provided by the enterprise, which approved granting the Certificate Credit Rating Appraise in 2011 for:

Enterprise:

BOOK AND EDUCATIONAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Abbreviated name:

STB JSC

Address of head office:

no. 223, Nguyen Tri Phuong street, ward 9, district No.5, Ho Chi Minh city

Fields of main operations:

business in book and educational equipment

The enterprise is entitled, privileged in the use of this Certificate Credit Rating Appraise in the transaction, production and business, bidding and other activities in accordance with the provisions of Enterprise Credit Rating Appraise Science Center, the law of Socialist Republic of Vietnam and international practices.

This Certificate Credit Rating Appraise in 2011 is made in 03 (three) originals, which have the same legal value.

Certificate Credit Rating Appraise issued based
on Decision No.042/2011/QĐ-CRC
dated 26/10/2011.

Hanoi, October 26th 2011
**ON BEHALF OF DIRECTOR
DEPUTY DIRECTOR**



M.A. Nguyen Thi Hong Ha

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP QUỐC GIA VIỆT NAM
Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL



BẰNG CHỨNG NHẬN

Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam
Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL

Chứng nhận đã tư vấn hồ sơ đăng ký thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp thành công cho:

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Để chuyển hồ sơ đăng ký thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp cho hội đồng thẩm định và được Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp - CRC cấp:

CHỨNG THƯ
THẨM ĐỊNH TÍN NHIỆM DOANH NGHIỆP NĂM 2011

Doanh nghiệp được cấp chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp năm 2011 được quyền nhận được sự tư vấn miễn phí trong công tác quản trị, công tác tài chính kế toán liên tiếp 3 năm kể từ ngày phát hành Bằng chứng nhận này từ các tư vấn viên thuộc hệ thống Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam.

Phát hành tại Thủ đô Hà Nội, làm thành 05 (năm) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau.

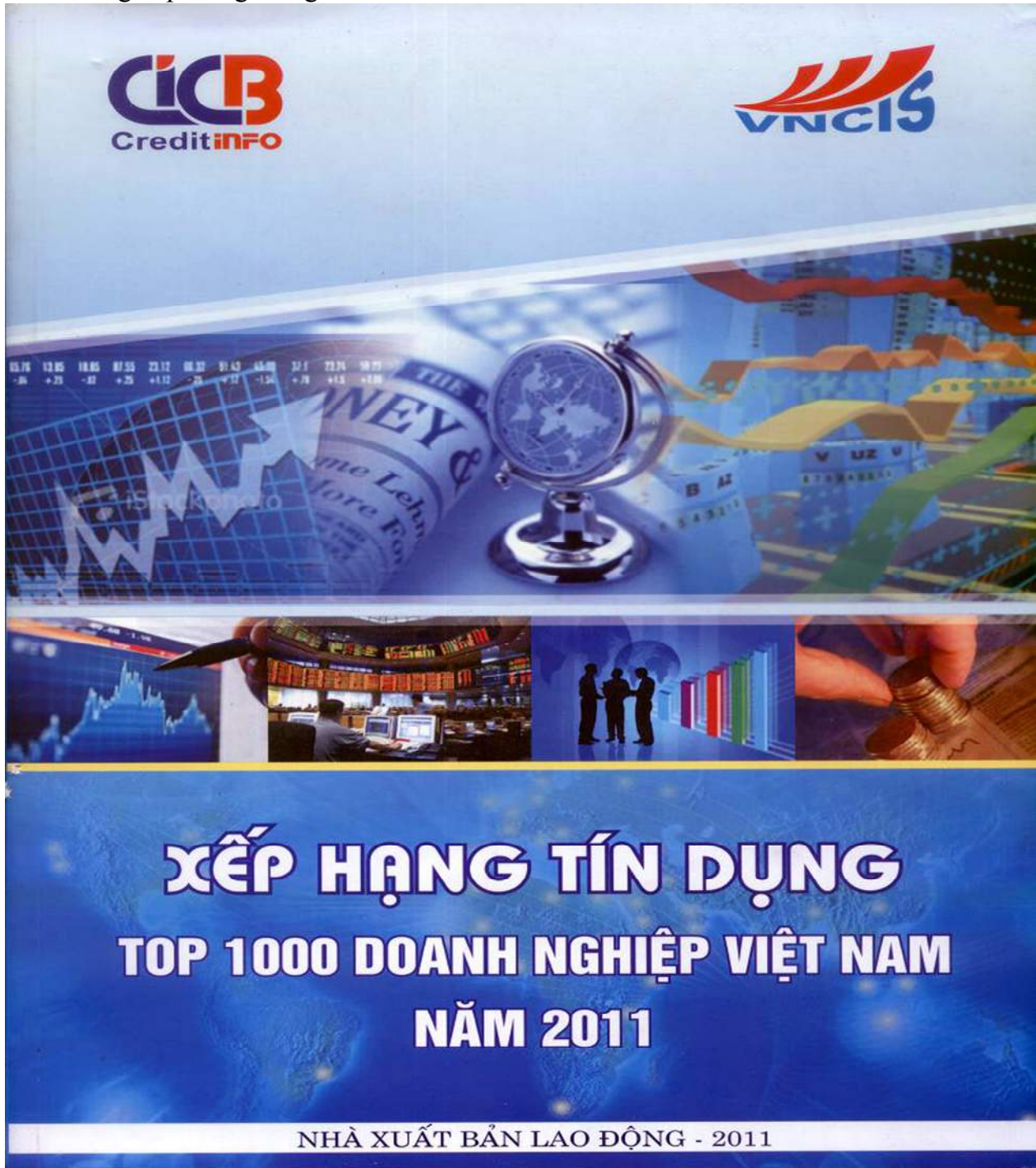
Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2011

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Th.S. Hứa Việt Minh

* Tháng 12 năm 2011, Trung tâm Thông Tin Tín Dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã xếp hạng tín dụng doanh nghiệp năm 2011 và bầu chọn công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp trong “Top 1.000 doanh nghiệp năm 2011” là những DN có đóng góp lớn cho nền kinh tế, là những DN có kết quả xếp hạng tín dụng cao, hoạt động kinh doanh hiệu quả, có uy tín trong quan hệ tín dụng với các ngân hàng. Ấn phẩm được phát hành đến các ngân hàng, các hiệp hội ngành nghề, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.



Thành phố Hồ Chí Minh							
48	Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh	7900009468	80,849	196,212	T.Bình	AAA	171
49	Công ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thanh	7900002512	370,956	416,012	Lớn	AAA	171
50	Công ty CP Vàng Bạc đá Quý Phú Nhuận	7900003618	1,017,956	13,077,790	Lớn	AAA	171
51	Công ty CP Tập Đoàn Thiên Long	7900002481	396,059	821,332	Lớn	AA	172
52	Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	7900008301	1,763,354	5,367,847	Lớn	AAA	172
53	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7900014274	4,682,633	2,763,278	Lớn	AA	172
Tỉnh Long An							
54	Công ty TNHH Lavie	8000000116	155,270	543,676	Lớn	AA	172

Trung tâm Thông tin Tín dụng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Tên giao dịch: Book and educational Equipment Joint Stock Company

Mã CIC: 7900009468

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P. 9, Q. 5, TP. HCM

Điện thoại: 08.38554645/38553118 Fax: 08.38564307

Năm thành lập: 2006

Ngành kinh tế CIC: Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng khác

Xếp hạng tín dụng năm tài chính 2010: AAA

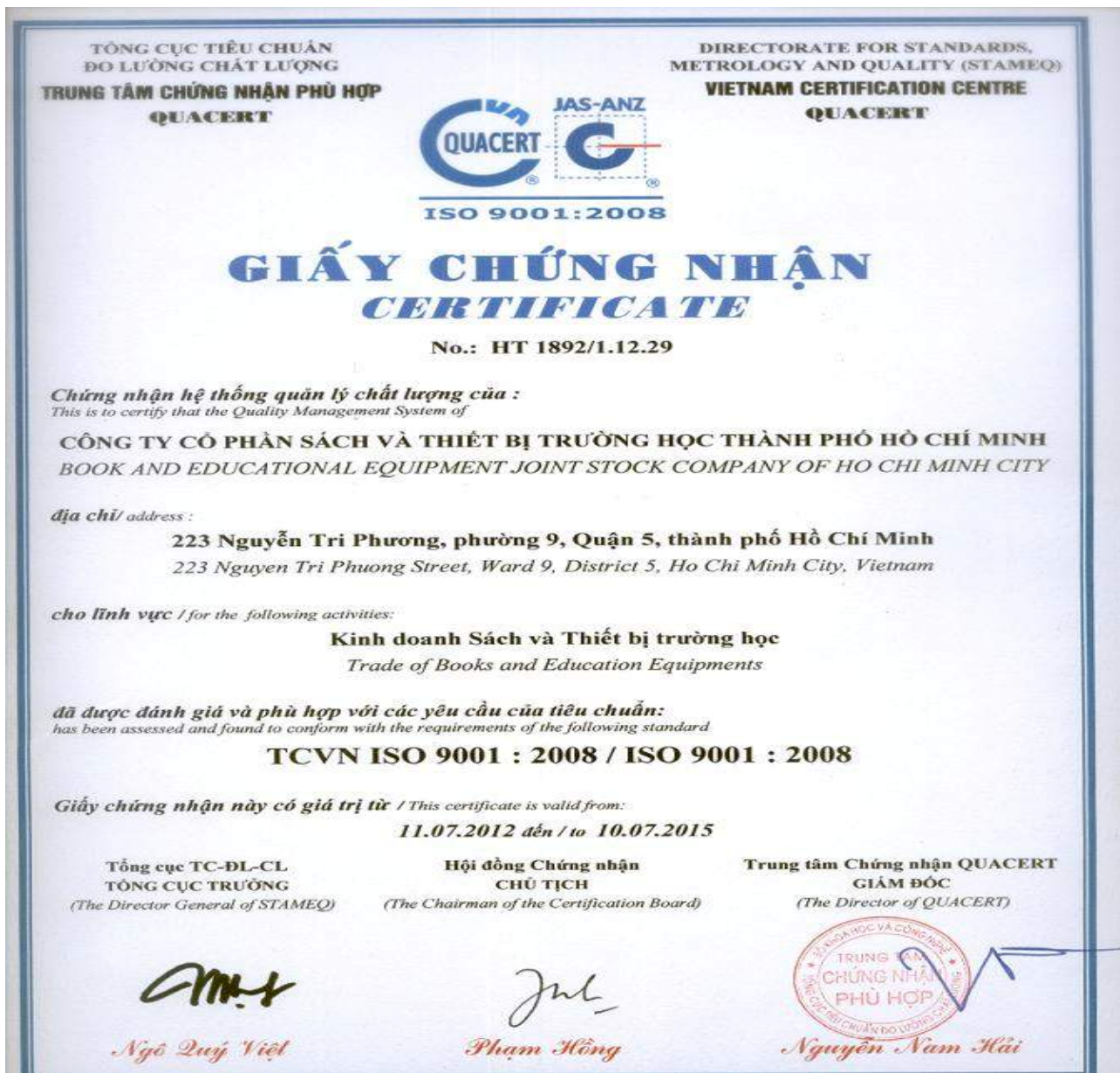
Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2010		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,2	>	5
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,3	>	4
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,0	<	3
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	64,2	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	1,7	>	4
CÁC CHỈ TIÊU CÂN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	30,3	<	5
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	44,2	<	5
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	5,2	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T. tài sản có	%	8,6	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	12,5	>	5

+ Năm 2012:

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp đơn vị xuất sắc của NXBGDVN cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.Hồ Chí Minh cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXBGDVN năm 2011, quyết định số 21/QĐ-TCNS ngày 11/01/2012.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng lãnh đạo và CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã có nhiều thành tích trong quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào thành tích chung của NXBGDVN năm 2011, quyết định số 65/QĐ-TCNS ngày 18/01/2012.

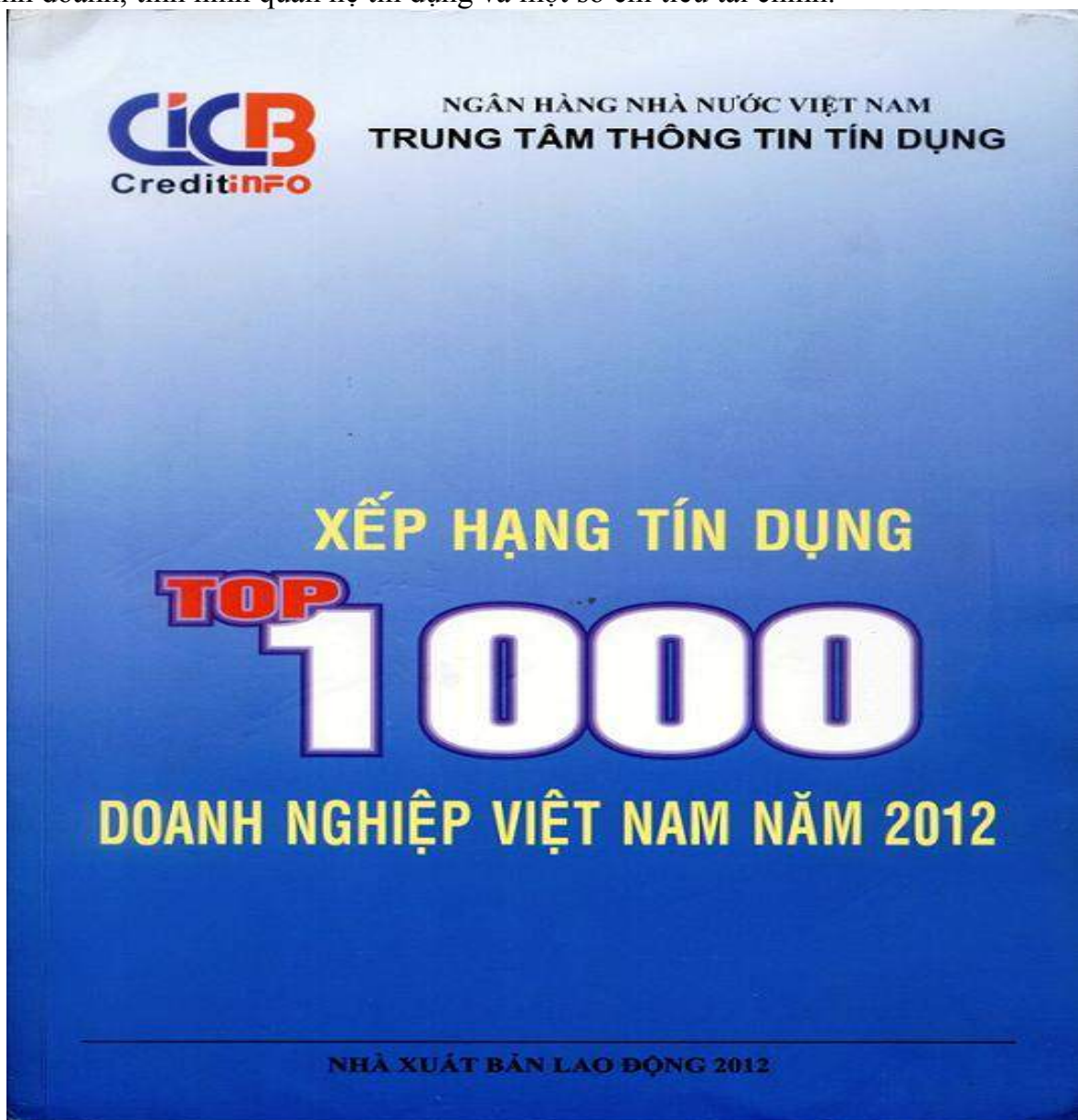
* Tháng 7/2012, Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM được tái cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 / ISO 9001: 2008



* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2012, đạt hiệu quả kinh doanh cao, quyết định số 424/QĐ-TCNS ngày 15/07/2012.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo kết quả thi đua 9 tháng đầu năm 2012 khu vực miền Nam, quyết định số 648/QĐ-TCNS ngày 17/10/2012.

* Tháng 10 năm 2012, Trung tâm Thông Tin Tín Dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã xếp hạng tính dụng doanh nghiệp năm 2012 và bầu chọn công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp trong “Top 1.000 doanh nghiệp năm 2012” là những DN có đóng góp lớn cho nền kinh tế, là những DN có kết quả xếp hạng tính dụng cao, hoạt động kinh doanh hiệu quả, được đánh giá theo quy mô, ngành nghề kinh doanh, tình hình quan hệ tín dụng và một số chỉ tiêu tài chính.



Bảng 2.1: BẢNG TỔNG HỢP XẾP HẠNG TÍN DỤNG TOP 1000 DOANH NGHIỆP NĂM 2012

STT	Tên Doanh Nghiệp	Mã CIC	Địa Bàn	NVCSH (tr.VND)	Doanh Thu (tr.VND)	XHTD 2012	Trang
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
840	Công ty Cổ phần Thành Nhơn	7900038425	Tp. Hồ Chí Minh	54,368	515,803	A+	305
841	Công ty Cổ phần Thép Trung Dũng	480003067	Tp. Hồ Chí Minh	40,821	457,589	A+	305
842	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hương Thủy	7900021293	Tp. Hồ Chí Minh	53,123	1,028,471	AA+	305
843	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	7900004943	Tp. Hồ Chí Minh	265,835	311,135	AA+	305
844	Công ty Cổ phần Thương mại Học Môn	7900008347	Tp. Hồ Chí Minh	140,078	868,110	AA+	306
845	Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	7900038213	Tp. Hồ Chí Minh	730,851	6,431,124	AA+	306
846	Công ty Cổ phần Thương mại No Va	7900030267	Tp. Hồ Chí Minh	25,710	818,391	BBB+	306
847	Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức	7900004639	Tp. Hồ Chí Minh	143,012	2,065,024	A+	306
848	Công ty Cổ phần TM và DV Cẩn Giờ	7900015447	Tp. Hồ Chí Minh	39,934	2,327,827	BBB+	307
849	Công ty Cổ phần Thương mại-Dịch vụ-Sản xuất Việt Thương	7900007143	Tp. Hồ Chí Minh	56,566	128,154	A+	307
850	Công ty Cổ phần Thế giới Di Động	7900035811	Tp. Hồ Chí Minh	298,370	5,309,863	AA+	307
851	Công ty Cổ phần Tám con Sư Tử	7900015257	Tp. Hồ Chí Minh	28,849	137,731	BBB+	307
852	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền Thông Thanh Niên	7900027479	Tp. Hồ Chí Minh	125,295	365,523	BBB+	308
853	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Intimex	7900034928	Tp. Hồ Chí Minh	173,708	11,138,431	A+	308
854	Công ty Cổ phần Vi Na Cam	7900032027	Tp. Hồ Chí Minh	170,968	3,903,949	A+	308
855	Công ty Cổ phần XNK Petrolimex	7900001681	Tp. Hồ Chí Minh	210,921	2,790,112	A-	308
856	Công ty Cổ phần XNK hàng tiêu thụ Công nghiệp Sài Gòn	7900005751	Tp. Hồ Chí Minh	82,505	106,654	AA+	309
857	Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	7900018042	Tp. Hồ Chí Minh	745,314	5,764,165	A+	309
858	Công ty Cổ phần sách và thiết bị Trường học Tp. Hồ Chí Minh	7900009468	Tp. Hồ Chí Minh	90,372	218,600	AA+	309
859	Công ty Cổ phần thế giới số	7900016137	Tp. Hồ Chí Minh	233,566	2,356,042	A+	309
860	Công ty Cổ phần thực phẩm công nghệ Sài Gòn	7900003416	Tp. Hồ Chí Minh	84,020	2,647,755	BBB-	310
861	Công ty Cổ phần vật tư tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	7900003415	Tp. Hồ Chí Minh	66,486	507,966	AA-	310
862	Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	7900005578	Tp. Hồ Chí Minh	171,905	2,749,489	A+	310
863	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh Phát	7900007364	Tp. Hồ Chí Minh	249,571	1,034,972	BBB+	310
864	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phong	7900004868	Tp. Hồ Chí Minh	249,196	1,269,452	A+	311
865	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khang Minh	7900032641	Tp. Hồ Chí Minh	69,325	691,189	BBB+	311
866	Công ty TNHH Cao Phong	7900015861	Tp. Hồ Chí Minh	28,616	3,223,674	A+	311
867	Công ty TNHH Khu Mua Sắm Đệ Nhất Phan Khang	7900013820	Tp. Hồ Chí Minh	46,672	1,799,648	BBB+	311
868	Công ty TNHH Kim Ngọc Phú	7900034337	Tp. Hồ Chí Minh	112,286	22,360,544	AA+	312
869	Công ty TNHH Kiến Vương	7900022834	Tp. Hồ Chí Minh	31,969	664,227	A+	312
870	Công ty TNHH MTV TM Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	7900025458	Tp. Hồ Chí Minh	69,128	937,725	BBB+	312
871	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC)	7900003548	Tp. Hồ Chí Minh	1,252,273	111,052,361	A+	312
872	Công ty TNHH MTV TM và DV Dầu Khí Biển	7900033820	Tp. Hồ Chí Minh	46,448	877,334	BBB+	313

Trung tâm thông tin Tín dụng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Tên giao dịch: Artex Saigon Import-Export Joint Stock Company For Fine Arts Handicrafts and Small Industry Products
 Mã CIC: 7900005751
 Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, P. Cầu Ông Lãnh, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.38243378/38299078 Fax: 08.38292584
 Năm thành lập: 1976
 Ngành kinh tế CIC: Thương mại (trừ thương mại công nghiệp nặng)
 Xếp hạng tín dụng 2012: AA+

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,3	<	1
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,2	>	5
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	99,5	>	5
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	13,3	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	1,0	<	1
CÁC CHỈ TIÊU CẢN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	19,1	<	5
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	23,5	<	5
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	18,1	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T tài sản có	%	19,0	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	23,4	>	5

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HOÁ LÔNG MIỀN NAM

Tên giao dịch: Petrovietnam Southern Gas Joint Stock Company
 Mã CIC: 7900018042
 Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.39100324 Fax: 08.39100097
 Năm thành lập: 2000
 Ngành kinh tế CIC: Thương mại (trừ thương mại công nghiệp nặng)
 Xếp hạng tín dụng 2012: A+

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,9	<	1
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,9	<	1
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	45,6	>	5
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	39,8	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	1,8	<	1
CÁC CHỈ TIÊU CẢN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	70,2	>	1
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	308,8	>	1
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	5,9	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T tài sản có	%	10,5	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	46,0	>	5

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Tên giao dịch: Book and Educational Equipment Joint Stock Company
 Mã CIC: 7900009468
 Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P. 9, Q. 5, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.38554645, 08.38553118 Fax: 08.38564307
 Năm thành lập: 1984
 Ngành kinh tế CIC: Thương mại (trừ thương mại công nghiệp nặng)
 Xếp hạng tín dụng 2012: AA+

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,9	>	5
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,6	>	5
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,2	<	1
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	43,7	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	1,9	<	1
CÁC CHỈ TIÊU CẢN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	21,9	<	5
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	28,5	<	5
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	5,2	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T tài sản có	%	9,6	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	12,5	>	5

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Tên giao dịch: Digiworld Corporation
 Mã CIC: 7900016137
 Địa chỉ: 211 - 213 Võ Văn Tần, P. 5, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.39290059/9293332 Fax: 08.39290058/9290060
 Năm thành lập: 1997
 Ngành kinh tế CIC: Thương mại (trừ thương mại công nghiệp nặng)
 Xếp hạng tín dụng 2012: A+

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,3	<	1
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,6	<	1
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,5	<	1
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	38,6	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	2,8	>	5
CÁC CHỈ TIÊU CẢN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	72,1	>	1
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	258,0	>	1
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	2,4	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T tài sản có	%	6,8	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	24,4	>	5

* Ngày 26/11/2012, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2012”, mã hồ sơ: 0230/TQS/2012 cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH.



+ Năm 2013:

* Ngày 07/01/2013, Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp – Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp “Chứng Thư Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp Năm 2012” số: CRC 106/TNDN.2012/V.01 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh.

Doanh nghiệp được quyền, đặc quyền trong việc sử dụng Chứng thư thẩm định này trong các hoạt động giao dịch, sản xuất kinh doanh, đấu thầu và các hoạt động khác phù hợp với quy định của Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp, pháp luật Nhà nước CHXHCN Việt Nam và thông lệ quốc tế.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp đơn vị xuất sắc của NXBGDVN cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXBGDVN năm 2012, quyết định số 86/QĐ-TCNS ngày 21/01/2013.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng lãnh đạo và CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã có nhiều thành tích trong quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào thành tích chung của NXBGDVN năm 2012, quyết định số 183/QĐ-TCNS ngày 02/02/2013.

* Nhận bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát hành sách năm 2012, ghi sổ bằng khen số 801/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2013.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, đơn vị đã được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác Phát hành sách và thiết bị giáo dục năm 2012, quyết định số 289/QĐ-TCNS ngày 12/3/2013.

* Ngày 12/7/2013, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2013”, mã hồ sơ: 13-0105/TQS cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH.



Certificate of Registration

This is certify that



ISO 9001 : 2008

Ho Chi Minh City Book And Educational Equipment Joint Stock Company

**Main Activity: Trading textbooks, manufacturing
and supplying school equipments and teaching equipments.**

*has been assessed and registered by VietnamEnterprises network
& meets the criteria of international competitiveness as credit rating system of TQS
"Trusted Quality Supplier - Nhà cung cấp Chất lượng 2013".*

Certificate No.: 105-TQS-2013

Date: November 27, 2013 - Valid until: November 27, 2014



Global Strategic Advisor
Trusted Quality Supplier
Vietnam Enterprises Network
Vietnam Enterprises Institute



Le Phước Kiem
Lead Auditor # 1199600 IRCA
Ph.D Candidate, Vice Rector
Vietnam Enterprises Institute

World Trade Alliance
www.worldtradealliance.vn

+ Năm 2014:

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, đơn vị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ triển khai tổ chức thành công Hội nghị Thiết bị Giáo dục năm 2014, quyết định số 14/QĐ-TCNS ngày 07/01/2014.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tặng cúp đơn vị xuất sắc trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam năm 2013 cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, quyết định số 28/QĐ-TCNS ngày 13/01/2014.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng và tặng Cờ thi đua cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2013, quyết định số 33/QĐ-TCNS ngày 13/01/2014.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng lãnh đạo và CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã có nhiều thành tích trong quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào thành tích chung của Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam năm 2013, quyết định số 82/QĐ-TCNS ngày 20/01/2014.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã hoàn thành, nộp báo cáo tài chính của đơn vị năm 2013 sớm và thực hiện tốt chủ trương huy động vốn của Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam phục vụ công tác quản lý, điều hành, quyết định số 220/QĐ-NXBGDVN ngày 23/01/2014.

* Ngày 22/9/2014, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2014”, mã hồ sơ: 082/TQS/2014 cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH.

* Ngày 20/10/2014, Viện Nghiên Cứu Kinh Tế cấp Chứng Nhận Đánh Giá Quốc Tế Độc Lập cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH là DOANH NGHIỆP CHẤT LƯỢNG Qmix 100:2014, mã công nhận/ Global GTA business code: 0301325347.

+ Năm 2015:

* Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì cho Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 3434/QĐ-CTN ngày 25 tháng 12 năm 2014

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc năm 2014 theo Quyết định số 78/QĐ-TCNS ngày 20/01/2015.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng và tặng Cúp đặc biệt xuất sắc cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, một trong ba đơn vị dẫn đầu trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam năm 2014 theo Quyết định số 82/QĐ-TCNS ngày 20/01/2015.

* Bộ Trường Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát hành sách, thiết bị giáo dục và thư viện trường học năm 2014 theo Quyết định số 870/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2015.

* Ngày 09/10/2015, Phòng Công nghiệp và Thương Mại Việt Nam – Trung tâm Văn Hóa Doanh Nhân cấp Chứng nhận số 44/2015-DNMPTBV cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH đạt DOANH NGHIỆP MẠNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2015”.



+ Năm 2016:

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu " Tập thể lao động xuất sắc" năm 2015 theo quyết định số: 39/QĐ-TCNS ngày 18 tháng 01 năm 2016;

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng " Cúp đặc biệt xuất sắc" do đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện năm 2015;

* Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phát hành sách, thiết bị trường học năm 2015 theo Quyết định số 748/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2016.

3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;

+ Mua bán sách giáo khoa. Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm làm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);

+ In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường. In nhãn hiệu, bao bì

+ Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);

+ Sản xuất đồ chơi trẻ em (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở, trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội);

+ Sản xuất phim video;

+ Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);

+ Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;

+ Giáo dục tiểu học;

+ Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;

+ Đào tạo nghề;

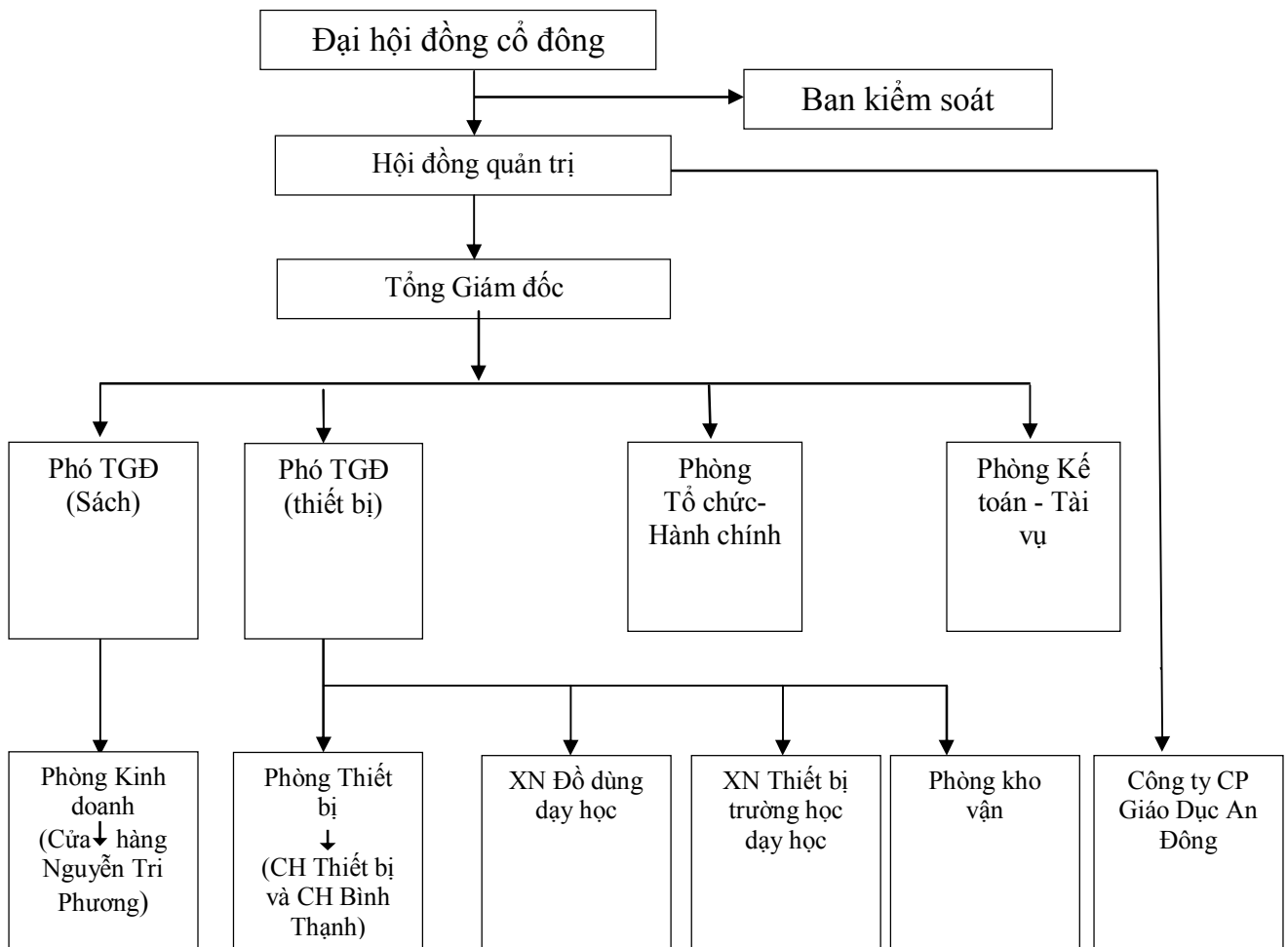
+ Cho thuê văn phòng;

+ Giáo dục mầm non.

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Bình Thuận, An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, Tiền Giang...

4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:



Cơ cấu bộ máy quản lý:

🚧 *Đại hội đồng cổ đông:*

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

🚧 *Hội đồng quản trị:*

Gồm 5 thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

🚧 *Ban kiểm soát:*

Gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty.

Tổng Giám đốc:

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh sách và phụ trách công ty con công ty cổ phần Giáo Dục An Đông:

- Chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc, là người điều hành, chịu trách về hoạt động kinh doanh sách của Công ty.
- Chịu trách về hoạt động của công ty con là công ty cổ phần giáo dục An Đông.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách thiết bị:

Chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc, là người điều hành, chịu trách về hoạt động sản xuất – kinh doanh thiết bị của Công ty.

Phòng Tổ chức hành chính:

Tổ chức công tác quản lý nhân sự, văn thư và các công việc liên quan khác của Công ty.

Phòng Kế toán – Tài vụ:

Tổ chức công tác kế toán, hoạt động tài chính của toàn Công ty, hạch toán các nghiệp vụ kế toán, lập báo cáo tài chính, quản lý, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Phòng Kinh doanh:

Tổ chức quản lý kinh doanh sách, ấn phẩm nhà trường.

Phòng Thiết bị:

Khai thác và nhập hàng thiết bị trường học và đồ dùng dạy học, cung cấp hàng hóa.

Phòng Kho vận:

Phụ trách đội xe, vận chuyển hàng hóa, thành phẩm. Quản lý kho thiết bị.

Xí nghiệp đồ dùng dạy học:

Sản xuất các đồ dùng giảng dạy và học tập trong nhà trường theo Danh mục của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

Phụ trách các công việc như lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, hướng dẫn sử dụng cho các sản phẩm thiết bị trường học....

Xí nghiệp Thiết bị trường học:

Sản xuất các trang thiết bị trường học, thiết bị văn phòng như bàn, tủ, ghế, kệ cho các phòng học, phòng thí nghiệm, phòng bộ môn...

- Các công ty con:

Tên công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty cổ phần Giáo Dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận TP.HCM	Chuyên về giáo dục và giảng dạy, đã thành lập trường THCS - THPT Quang Trung - Nguyễn Huệ	5.230.000.000	52,77%

5- Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM vẫn tiếp tục là đơn vị hậu cần cho ngành giáo dục, lấy kinh doanh làm phương tiện và Công ty sẽ phát triển theo hướng đa ngành một cách vững chắc.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường mua sắm mới máy móc, thiết bị mới để sản phẩm do Công ty sản xuất ra có chất lượng tốt.

Trong sản xuất: Tăng cường dần năng lực sản xuất các mặt hàng thiết bị và đồ dùng dạy học, đồ chơi nhà trẻ - mẫu giáo trong nhà và ngoài trời để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đẩy mạnh kinh doanh các trang thiết bị nội thất trong nhà trường, đồ chơi mẫu giáo, hướng đến các sản phẩm kích thích phát triển tư duy của trẻ, lồng ghép vừa học vừa chơi...

Trong kinh doanh: Tăng cường khâu bán lẻ bằng cách phát triển hệ thống cửa hàng, trước mắt là tại thị trường TP. HCM và sẽ tiến dần mở rộng ra các nơi trên lãnh thổ Việt Nam, có thể do Công ty đứng ra kinh doanh hoặc có thể liên kết với các tỉnh bạn làm đại lý để phát hành sản phẩm của Công ty.

- Làm mới trang web của công ty, tăng cường bán hàng qua mạng internet.....

- Đẩy mạnh tiêu thụ hàng thiết bị tới trực tiếp người tiêu dùng là phụ huynh, học sinh...

- Tận dụng và phát huy tối đa thế mạnh sẵn có từ nhiều năm qua của đơn vị như: lượng khách hàng truyền thống, mối quan hệ tốt đẹp với các trường, phòng giáo dục... để tạo nên nét đặc thù riêng của Công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có chất lượng, đồng thời sản xuất các chi tiết sản phẩm có thể dùng chung cho nhiều thí nghiệm để sản phẩm sử dụng bền và tiết kiệm chi phí cho xã hội, cho nhà trường và cho học sinh.

6- Các rủi ro:

- Tính cạnh tranh trên thị trường

Nhìn chung, Công ty đã có thời gian hoạt động rất lâu nên đã tạo được uy tín thương hiệu trên thị trường. Tuy nhiên ở Công ty vẫn tồn tại một số rủi ro sau:

- + Cơ sở vật chất cũ, xuống cấp, không thích hợp đối với trung tâm mua bán hiện đại.
- + Các đơn vị sản xuất còn cách xa về mặt địa lý, gây tốn kém trong công tác sản xuất dây chuyền và vận chuyển trong tiêu thụ.
- + Nếu Công ty không còn ở vị thế độc quyền về phát hành thì có thể sẽ ảnh hưởng tới doanh thu. Nạn in lậu sách giáo khoa vẫn còn, tác động đến công tác phát hành sách của công ty tạo sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường..

Mặc dù, Công ty đã có uy tín trên thị trường nhưng hiện tại Công ty vẫn không ngừng cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh nhằm tăng tính cạnh tranh so với các công ty bạn. Bên cạnh đó, Công ty còn tăng cường khả năng chăm sóc khách hàng bằng các chương trình khuyến mãi, hậu mãi nhằm thu hút được nhiều khách hàng và ngày càng mở rộng thị trường bằng cách mở thêm nhiều cửa hàng ở nhiều nơi để phục vụ khách hàng. Từ đó Công ty sẽ mở rộng được thị phần, tạo doanh thu cao đạt hiệu quả hơn cho hoạt động kinh doanh và tạo vị thế vững mạnh trên thị trường.

- Phạm vi đa dạng hóa sản phẩm: Công ty đang sản xuất, kinh doanh khá nhiều chủng loại sản phẩm nhưng vẫn còn tồn tại một số mặt hàng đã lỗi thời so với thị trường và chưa khai thác hết những sản phẩm trên thị trường. Chính vì điều này đã làm cho rủi ro kinh doanh ở Công ty sẽ cao.

Vì vậy, bên cạnh việc quan tâm đến khách hàng, Công ty phải không ngừng nghiên cứu thêm nhiều chủng loại sản phẩm mới để mở rộng phạm vi sản xuất, kinh doanh từ đó sẽ tăng được tính cạnh tranh trên thị trường và mang lại hiệu quả kinh doanh cao hơn. Chẳng hạn, bên cạnh việc cung ứng SGK thì công ty còn mở rộng thêm việc kinh doanh sách tham khảo các loại, ấn phẩm các loại và kinh doanh nhiều mặt hàng đồ chơi cho trẻ em,...Đối với các sản phẩm thiết bị, Công ty đã và đang sản xuất, kinh doanh rất nhiều chủng loại để đáp ứng cho chương trình giáo dục. Công ty thường xuyên nghiên cứu cải tiến sản phẩm và tung ra thị trường nhiều loại sản phẩm mới để hỗ trợ cho việc giảng, dạy học tập trong nhà trường.

- Biến động về nhu cầu: Hiện trên thị trường có sự biến động về nhu cầu khá cao, chương trình giáo dục cải tiến hàng năm cho nên nhu cầu về sản phẩm cũng thay đổi mạnh.

Do đó, để hạn chế được rủi ro sụt giảm doanh thu do biến động nhu cầu này Công ty đã tiến hành nghiên cứu thị trường, cập nhật những thông tin, quy định mới của Nhà nước để kịp thời điều chỉnh trong quá trình sản xuất cũng như kinh doanh cho phù hợp. Từ đó sẽ hạn chế được những sản phẩm lạc hậu, lỗi thời so với thị trường và kịp thời đưa ra thị trường những sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, dần đi đến ổn định và gia tăng doanh thu cho Công ty.

- Tính biến đổi về giá bán và chi phí đầu vào: Hiện tại, do giá cả biến động mạnh nên ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của Công ty, tác động lớn đến sản lượng tiêu thụ làm tăng rủi ro kinh doanh ở Công ty.

Để khắc phục được tình trạng này thì Công ty đã đề ra chiến lược sản xuất, kinh doanh kịp thời. Công ty đã có chủ trương lập kế hoạch sản xuất cụ thể từ đó dự trù được nguyên, vật liệu đầu vào, có kế hoạch đặt hàng và dự trữ hàng hợp lý nhằm ổn định được chi phí đầu vào và đáp ứng nguyên, vật liệu cho quá trình sản xuất được liên tục và đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng vào việc ứng dụng máy móc hiện đại, nâng cao tay nghề cho công nhân nhằm gia tăng năng suất trong sản xuất. Từ việc tổ chức khâu sản xuất, kinh doanh; ổn định được chi phí đầu vào nên Công ty có thể đưa ra giá bán vừa phải để thu hút được nhiều khách hàng và có thể cạnh tranh được trên thị trường để gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015		
					Thực hiện	% TH 2015 / 2014	% TH 2015/ KH 2015
1	DOANH THU	275.6	240	280	297.5	107.9%	106.25%
	Trong đó:						
	- Thiết bị	148.3	125	156	157.5	106.2%	100.9%
	- Sách các loại	99.7	90	105	116.8	117.2%	111.2%
	- Giảng dạy	16.9	10	17	19.2	113.6%	112.9%
	- In ấn	2.9	5				
	- Khác	7.8	10	2	4	51.3%	200%
2	CHI PHÍ	257.4	226.4	264.5	281.5	109.4%	106.4%
3	LỢI NHUẬN	18.2	13.6	15.5	16	87.9%	103.2%

Đối với báo cáo hợp nhất của Công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết là: công ty CP Giáo Dục An Đông và công ty CP Sách- Thiết Bị Giáo Dục Tây Ninh thì:

- So với năm 2014, doanh thu năm 2015 là 297,5 tỷ đồng, tăng 21,9 tỷ đồng tức tăng 7,9%% và lợi nhuận giảm là 2,2 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 12,1%. Do năm 2014 công ty mẹ có chuyển nhượng Bất động sản là Nhà xưởng Tân Tạo nên tổng lợi nhuận năm 2014 tăng đột biến là 17,3 tỷ đồng.

- Nếu so với kế hoạch năm 2015 thì doanh thu tăng là 17,5 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 6,25% và lợi nhuận tăng là 0,5 tỷ đồng và tỷ lệ tăng là 3,2%.

2- Tổ chức - nhân sự:

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Trần Văn Hưng Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 07/6/2015
- Ông Phan Xuân Hiến Phó tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 07/6/2015
- Ông Từ Trung Đan Phó tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 07/6/2015
- Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh Kế toán trưởng Bổ nhiệm lại ngày 07/6/2015

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành:

Ông TRẦN VĂN HƯNG: Thành viên Hội đồng quản Trị kiêm Tổng giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Bình Dương
Ngày tháng năm sinh	24/08/1963	Địa chỉ thường trú	29/8A Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
Nơi sinh	Sài Gòn	Số điện thoại cơ quan	(08) 38 554 645
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- ✓ 09/1984 – 01/1985: Giáo viên trường Sư Phạm Kỹ thuật Phổ thông.
- ✓ 01/1985 – 04/1988: Thực tập tại Tiệp Khắc.
- ✓ 04/1988 – 06/1990: Nhân viên Công ty Dịch vụ Xây dựng quận 10 TP. HCM
- ✓ 06/1990 – 03/1991: Nhân viên Công ty Dịch vụ Ăn uống và Khách Sạn quận 10 TP. HCM
- ✓ 03/1991 – 04/1994: Nhân viên Phòng Phát hành, Công ty Sách và Thiết bị trường học TP. HCM
- ✓ 04/1994 – 10/2003: Nhân viên Phòng Kế toán–Tài vụ Công ty Sách và Thiết bị trường học TP. HCM
- ✓ 10/2003 – 07/2005: Phó Trưởng Phòng Kế toán–Tài vụ Công ty Sách và TBTH TP.HCM
- ✓ 07/2005 – 01/2015: Kế toán trưởng Công ty Sách và Thiết bị trường học TP. HCM
- ✓ 02/2015 – nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP.HCM

Chức vụ hiện nay Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM.

Số cổ phần nắm giữ 8.000 cổ phiếu

Số cổ phần của những người có liên quan: Vợ Trần Thị Tuyết Sương, đang sở hữu 3.590 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông PHAN XUÂN HIẾN: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Bình
Ngày tháng năm sinh	09/03/1961	Địa chỉ thường trú	133C Lê Lợi, P.3, Q. Gò Vấp, TP.HCM
Nơi sinh	Nha Trang	Số điện thoại cơ quan	(08) 38 554 645
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học ngành Hóa Lý kim loại

Quá trình công tác:

- ✓ 04/1987 – 06/1990: Cán bộ Trung tâm Phân tích và Thí nghiệm.
- ✓ 07/1990 – 09/1992: Nhân viên công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM.
- ✓ 10/1992 – 03/1995: Phó Trưởng phòng Thiết Bị công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM
- ✓ 04/1995 – 03/1997: Tu nghiệp tại trường đại học Á Châu – Nhật Bản
- ✓ 04/1997 – 05/1997: Nhân viên Công ty Sách và Thiết bị trường học TP. HCM
- ✓ 06/1997 – 06/2006: Trưởng phòng Thiết Bị công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM
- ✓ 07/2006 – 02/2008: Trưởng phòng Thiết Bị công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM
- ✓ 03/2008 – nay: Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM

Chức vụ hiện nay Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM.

Số cổ phần nắm giữ 70 cổ phiếu

Số cổ phần của những người có liên quan: Vợ Nguyễn Thị Kim Phượng, đang sở hữu 0 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông TỪ TRUNG ĐAN: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Đà Nẵng
Ngày tháng năm sinh	26/04/1975	Địa chỉ thường trú	541/48 Sư Vạn Hạnh – P.13 –Q.10 Quận 10 – TP.HCM
Nơi sinh	Cần Thơ	Số điện thoại cơ quan	(08) 8 554 645
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc		Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none">✓ 1997 – 2004: Nhân viên phòng Thiết Bị - Cty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM✓ 2004 – 2006: Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp Vụ - Cty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM✓ 2006 – 2008: Phó Trưởng phòng Bán Lẻ - Cty CP Sách và Thiết bị trường học TP.HCM✓ 2008 – 02/2014: Trưởng phòng Thiết Bị – Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP.HCM03/2014 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP.HCM			
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc		
Số cổ phần nắm giữ	288.460 cổ phiếu		
Số cổ phần của những người có liên quan: không			
Các khoản nợ đối với Công ty: không			
Lợi ích liên quan đối với Công ty: không			

Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh: Kế toán trưởng

Giới tính	Nữ	Quê quán	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định
Ngày tháng năm sinh	25/02/1980	Địa chỉ thường trú	146 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Nơi sinh	Quy Nhơn	Số ĐT cơ quan	(08) 38 554 645
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh Tế – TP. Hồ Chí Minh

Quá trình công tác:

- ✓ 08/2003 – 02/2008: Nhân viên Phòng Kế toán tài vụ Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ 03/2008 – 01/2015: Phó trưởng Phòng Kế toán tài vụ Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ 02/2015 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP.HCM

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TPHCM.

Số cổ phần nắm giữ: 8.190 cổ phiếu

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng CB-CNV: 306 người

+ Bình quân thu nhập của CB-CNV là: 10,7 triệu đồng/ người/ tháng.

+ Chính sách đối với người lao động: Ngoài thu nhập từ lương và thưởng và các chính sách theo quy định pháp luật thì Người lao động còn được hưởng một số chế độ khác như:

- * Tham quan nghỉ mát hàng năm;
- * Hỗ trợ một phần chi phí khi bệnh hoặc gia đình có tang, cũng như quà mừng cưới khi Người lao động lập gia đình, mừng sinh nhật;
- * Hỗ trợ một phần chi phí học tập nâng cao trình độ chuyên môn;
- * Trợ cấp khi Người lao động nghỉ hưu;
- * Tặng quà cho các đối tượng và con vào các dịp lễ như: 8/3, 20/10, 22/12, Quốc Tế Thiếu Nhi 01/6, Tết Trung Thu, Học Bổng Nguyễn Đức Cảnh...
- * Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể công nhân viên của Công ty.

3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án trong năm 2015:

a/ Các khoản đầu tư lớn:

- Tăng cường đầu tư nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị tại Bình Dương để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và giảm bớt công lao động: 5,2 tỷ đồng.

- Trong năm, công ty đã đầu tư thêm một Xưởng Đồ Chơi Mẫu Giáo (1.728m²) tại Chi nhánh công ty ở Bình Dương với chi phí xây dựng và máy móc trang bị là 5.2 tỷ đồng, thị trường về đồ chơi mẫu giáo... rất tiềm năng trong thời gian tới.

- Ngoài ra, công ty đang đầu tư vào dự án Nhà văn phòng tại 780 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận với chi phí đã thực hiện trong năm 2015 là 4.4 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng tại 104/5 Mai Thị lựu, quận 1, TP.HCM làm văn phòng và kho.

b/ Các công ty con:

Tên công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)
Công ty cổ phần giáo Dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	Chuyên về giáo dục và giảng dạy, đã thành lập trường THCS – THPT Quang Trung-Nguyễn Huệ	19,2	0,31

4- Tình hình tài chính trong năm 2015:

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Đồng	142.006.880.169	143.574.415.009	101.1%
Doanh thu thuần	Đồng	267.328.648.375	293.845.126.364	109.9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	12.333.032.004	14.344.253.708	116.3%
Lợi nhuận khác	Đồng	5.908.771.168	1.683.690.404	28.5%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	18.241.803.172	16.027.944.112	87.9%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	15.324.055.466	13.976.320.553	91.2%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	13	13	100%

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	2,15	2,46	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,43	1,57	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,33	0,26	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,49	0,36	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng hóa/ Hàng tồn kho bình quân	6,30	6,96	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,86	2,07	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần	0,05	0,06	
+ Hệ số LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,16	0,13	
+ Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản	0,11	0,10	
+ Hệ số LN từ HĐ kinh doanh/ DT thuần	0,05	0,05	

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 29/01/2016.

a/ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông hiện đang lưu hành: 5.665.530 cổ phần.
- Số cổ phần được chuyển nhượng tự do: 5.665.530 cổ phần.

b/ Cơ cấu cổ đông: Có tổng cộng là 606 cổ đông sở hữu cổ phần của công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM

- Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

+ Cổ đông lớn có tỷ lệ sở hữu trên 5% vốn điều lệ: Công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục Việt Nam, với số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ là: 2.976.768 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ là 52,54%.

+ Cổ đông lớn có tỷ lệ sở hữu trên 5% vốn điều lệ: Công ty cổ phần Đầu Tư Kim Cương, với số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ là: 425.200 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ là 7,5%.

+ Cổ đông lớn có tỷ lệ sở hữu trên 5% vốn điều lệ: Từ Trung Đan, với số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ là: 288.460 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ là 5,09%.

+ Cổ đông nhỏ: 603 cổ đông.

- Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:
 - + Cổ đông là tổ chức: 36 cổ đông.
 - + Cổ đông cá nhân: 567 cổ đông.
- Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:
 - + Cổ đông nước ngoài: 6 cổ đông.
 - + Cổ đông trong nước: 600 cổ đông.
- Cổ đông Nhà Nước và các cổ đông khác:
 - + Cổ đông Nhà Nước: 01 cổ đông.
 - + Các cổ đông khác: 605 cổ đông.

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2015 không có.

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2015: không có

+ Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ đông.

e/ Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1- Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2014	KH năm 2014	KH năm 2015	ĐVT: tỷ đồng		
					Thực hiện năm 2015		
					Thực hiện	% TH2015 / 2014	% TH 2015/ KH 2015
1	DOANH THU	275.6	240	280	297.5	107.9%	106.25%
	Trong đó:						
	- Thiết bị	148.3	125	156	157.5	106.2%	100.9%
	- Sách các loại	99.7	90	105	116.8	117.2%	111.2%
	- Giảng dạy	16.9	10	17	19.2	113.6%	112.9%
	- In ấn	2.9	5				
	- Khác	7.8	10	2	4	51.3%	200%
2	CHI PHÍ	257.4	226.4	264.5	281.5	109.4%	106.4%
3	LỢI NHUẬN	18.2	13.6	15.5	16	87.9%	103.2%

Đối với báo cáo hợp nhất của Công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết là: công ty CP Giáo Dục An Đông và công ty CP Sách- Thiết Bị Giáo Dục Tây Ninh thì:

- So với năm 2014, doanh thu năm 2015 là 297,5 tỷ đồng, tăng 21,9 tỷ đồng tức tăng 7,9%% và lợi nhuận giảm là 2,2 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 12,1%. Do năm 2014 công ty

mẹ có chuyển nhượng Bất động sản là Nhà xưởng Tân Tạo cho nên tổng lợi nhuận năm 2014 tăng đột biến là 17,3 tỷ đồng.

- Nếu so với kế hoạch năm 2015 thì doanh thu tăng là 17,5 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 6,25% và lợi nhuận tăng là 0,5 tỷ đồng và tỷ lệ tăng là 3,2%.

2- Tình hình tài chính:

a/ Tình hình tài sản: Phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2015/ năm 2014 tương ứng các tỷ lệ đã nêu ở phần trên về năng lực hoạt động của Công ty là:

+ Vòng quay hàng tồn kho 6,96 vòng/ 6,3 vòng tức là vòng quay hàng tồn kho năm 2015 nhanh hơn vòng quay năm 2014 nên giảm được phần nào chi phí sử dụng vốn cho hàng tồn kho, chi phí lưu kho.

+ Hệ số doanh thu thuần/ tổng tài sản là 2,07 so với 1,86 tức là 1 đồng tài sản năm 2015 bỏ ra thu được 2,07 đồng doanh thu thuần và năm 2014 cũng bỏ ra 1 đồng tài sản nhưng thu lại được là 1,86 đồng doanh thu thuần, điều này cho thấy hiệu quả sử dụng 1 đồng tài sản năm 2015 có hiệu quả hơn năm 2014.

b/ Tình hình nợ phải trả: Trong phần chỉ tiêu về cơ cấu vốn thì hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2015 là 0,36, tức là nguồn vốn của Công ty đủ sức để trang trải mọi khoản nợ.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Đội ngũ người lao động công ty có ý thức trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó, tích cực trau dồi năng lực chuyên môn để phục vụ công tác tốt hơn;

- Công ty có đội ngũ công nhân lành nghề, được trang bị máy móc hiện đại nên sản phẩm làm ra đảm bảo chất lượng và giữ vững thương hiệu.

- Lãnh đạo công ty đánh giá tốt tình hình, đồng thời theo dõi sát tiến độ sản xuất kinh doanh để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót.

- Tăng cường công tác quản trị, kiểm tra và giám sát trong lĩnh vực tài chính, kế toán để giảm thiểu rủi ro, cảnh báo sai phạm ... đảm bảo tình hình tài chính làm mạnh. Tích cực thu hồi công nợ, thu tiền bán hàng nhanh để giảm chi phí và kịp thời cung ứng vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục khắc phục và hoàn thiện dần mô hình bán hàng theo dạng mở và tăng cường bán lẻ, phục vụ khách hàng nhanh, gọn và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đánh giá chất lượng lao động để củng cố tổ chức tốt hơn, rà soát nhân sự;
- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho Người lao động để kịp thời đáp ứng yêu cầu mới;

- Đầu tư, trang bị máy móc cần thiết cho các đơn vị sản xuất nhằm tiết kiệm hao phí, tăng năng suất;

- Rà soát, cải tiến sản phẩm, tiếp tục nghiên cứu và làm mẫu thiết bị giáo dục, tổ chức nắm bắt nhu cầu thị trường, chuẩn bị tốt để đón đầu khi thay sách theo chương trình sách giáo khoa mới;

- Thường xuyên cải tiến sản phẩm cho phù hợp với thị trường và phải bảo đảm chất lượng, giữ vững thương hiệu STB của đơn vị.

- Chăm chút sản phẩm làm ra để chất lượng ngày càng tốt hơn, tiết kiệm vật tư, công lao động để cạnh tranh về chất lượng, giá thành...

- Đẩy mạnh phát triển thị trường bán lẻ.

- Làm tốt công tác quảng cáo, tiếp thị để giới thiệu sản phẩm công ty bằng nhiều hình thức:

+ Giới thiệu và bán hàng qua mạng;

+ Quảng cáo trên báo, đài, các chương trình tài trợ,...

+ Tiếp thị trực tiếp đến các trường học, phòng giáo dục.

+ Tham gia các chương trình: hội chợ, triển lãm, trưng bày sản phẩm giáo dục...

+ Tổ chức các chương trình giảm giá trong mùa khai giảng năm học.

+ Nêu cao tinh thần phục vụ khách hàng: ân cần – niềm nở - chu đáo.

- Thực hiện hỗ trợ khách hàng thông qua bảo hành, bảo trì thiết bị giáo dục. Phối hợp với Sở Giáo Dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh trong công tác bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm, hướng dẫn sử dụng thiết bị giáo dục, làm tốt việc bảo hành, bảo trì máy móc thiết bị; gia công, lắp đặt,....

- Liên kết, mở rộng mua bán với nhiều công ty và nhiều đối tượng.

- Bảo quản, đóng gói sản phẩm tốt nhất, sắp xếp hàng hóa hợp lý, vận chuyển nhanh nhất, tránh hư hỏng, thất thoát. Tính vận trù sao cho hữu hiệu nhất.

- Làm mới trang web của công ty, tăng cường bán hàng qua mạng internet.....

- Đẩy mạnh tiêu thụ hàng thiết bị tới trực tiếp người tiêu dùng là phụ huynh, học sinh..

- Hoàn thiện đầu tư dự án Nhà Văn Phòng tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2 và đưa vào sử dụng;

- Tiếp tục thực hiện dự án 223 Nguyễn Tri Phương theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2015, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa công ty và các nhà đầu tư trên nguyên tắc hợp lý, hợp pháp và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông của công ty;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa rủi ro tài chính.

- Tích cực tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngày công lao động, điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, ...

- Xây dựng, củng cố và hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đối với các xí nghiệp và toàn Công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao, tinh thần làm việc với ý thức trách nhiệm cao nên công việc được giải quyết với chất lượng tốt.

- Thực hiện nội quy, kỷ luật nội bộ tốt giúp giải quyết công việc hiệu quả và nhanh chóng.

- Tổng kết cả năm, Công ty đã đạt được thành tích cao, vượt các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch đã đề ra.

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc đã thực hiện các chủ trương, chiến lược kinh doanh do Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Khi gặp vướng mắc trong điều hành, Tổng Giám đốc xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết công việc.

- Quan hệ giữa chỉ đạo của Hội đồng quản trị và điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc hài hòa và ăn ý, giúp cho công việc trong công ty được giải quyết nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Củng cố nhân sự để kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tế của Công ty, đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu.

- Tăng cường công tác nghiên cứu chế tạo mẫu mới, cải tiến sản phẩm để tăng cường chất lượng, mẫu mã sản phẩm của Công ty và chuẩn bị công tác đón đầu khi thay sách giáo khoa mới.

- Đẩy mạnh kinh doanh các trang thiết bị nội thất trong nhà trường, đồ chơi mẫu giáo, hướng đến các sản phẩm kích thích phát triển tư duy của trẻ, lồng ghép vừa học vừa chơi...

- Trang bị máy móc cho các xí nghiệp để cải tiến kỹ thuật, giảm hao phí, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng tại 104/5 Mai Thị Lựu, quận 1, TP.HCM làm văn phòng và kho.

- Hoàn tất việc đầu tư dự án Nhà Văn Phòng tại 780 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận để nhanh chóng đưa mặt bằng vào sử dụng.

- Tiếp tục duy trì tốt hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 trong toàn Công ty.

- Chỉ tiêu kế hoạch KD – SX năm 2016:

Đơn vị tính : Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2016
DOANH THU	261
LỢI NHUẬN	14

- Đề nghị mức cổ tức năm 2016 là 13%/năm.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM gồm có 5 người: 01 Chủ tịch và 04 Ủy viên. Trong đó có 03 Ủy viên độc lập không tham gia điều hành trong Công ty.

STT	Họ và tên	Cơ cấu trong Hội đồng quản trị	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Ô. Từ Văn Sơn	Chủ tịch	26.930	0,48
2	Ô. Đỗ Thành Lâm	Ủy viên	4.895	0,09
3	Ô. Trần Lê Quang	Ủy viên	0	0
4	B. Lê Thị Phương Hảo	Ủy viên	0	0
5	Ô. Trần Văn Hưng	Ủy viên	8.000	0,14

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định tại điều 149 của luật Doanh Nghiệp, ngoài ra phân công nhau để phụ trách và chỉ đạo các mảng hoạt động của Công ty, đưa ra các phương hướng, chiến lược kinh doanh có hiệu quả cho phù hợp với điều kiện thực tế tại các thời điểm và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ô. Từ Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	10	100%	Không có
2	Ô. Trần Văn Hưng	Ủy viên- kiêm TGĐ	10	100%	Không có
3	Ô. Xà Thiệu Hoàng	Ủy viên HĐQT	4	40%	Thôi nhiệm từ 07/6/2015
4	Ô. Lê Kế Đức	Ủy viên HĐQT	4	40%	Thôi nhiệm từ 07/6/2015
5	Ô. Ngô Trần Vinh	Ủy viên HĐQT	2	20%	Thôi nhiệm từ 07/6/2015

6	Ô. Đỗ Thành Lâm	Ủy viên HĐQT	6	60%	Bổ nhiệm từ 07/6/2015
7	Ô. Trần Lê Quang	Ủy viên HĐQT	10	100%	Bổ nhiệm từ 07/6/2015
8	B. Lê Thị Phương Hào	Ủy viên HĐQT	6	60%	Bổ nhiệm từ 07/6/2015

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2015:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT/2015	14/01/2015	<p>Thông qua một số vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả SXKD năm 2014 - Thanh lý và xử lý thừa, thiếu theo Biên bản của Hội đồng kiểm kê năm 2014 - Thù lao HĐQT-BKS và thư ký năm 2014 và tỷ lệ thù lao năm 2015 như năm 2014 - Đơn giá tiền lương năm 2014 - Giao HĐQT duyệt đơn giá tiền lương năm 2015. - Chọn kiểm toán năm 2015 - Bổ sung Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh, Phó trưởng phòng Kế toán Tài Vụ làm thư ký công ty kể từ ngày 01/01/2015
2	02/QĐ-HĐQT/2015	24/01/2015	Thay đổi người đại diện pháp luật công ty từ ông Ngô Trần Vinh sang ông Trần Văn Hưng
3	03/NQHĐQT/2015	13/5/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo KQKD năm 2014 sau kiểm toán và đề xuất chi trả cổ tức năm 2014 - Thông qua kết quả KSX Quý 01 năm 2015
4	04/NQHĐQT/2015	26/5/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả KD-SX ước tính 5 tháng đầu năm 2015 của công ty - Thông qua tạm ứng thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty - Chấp nhận hoàn nhập vào quỹ đầu tư phát triển khoản phải trả cổ phần hóa
5	05/NQHĐQT/2015	07/6/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả bầu chức danh Chủ tịch HĐQT công ty - Thông qua kết quả bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát công ty

6	06/NQHĐQT/2015	07/6/2015	-Thông qua việc tái bổ nhiệm Ban điều hành Công ty
7	07/NQHĐQT/2015	15/6/2015	-Thông qua việc bổ sung bà Phạm Nhật Quyên, nhân viên Phòng Tổ chức- Hành chính làm thư ký của công ty - Thông qua việc thanh lý xe Toyota Zace – 07 chỗ, biển số 51A. 473.08 lý do đã quá cũ và mua chiếc xe 07chỗ hiệu Hyundai Santafe để phục vụ công tác công ty
8	08/NQHĐQT/2015	22/7/2015	- Thông qua kết quả SX-KD 6 tháng đầu năm 2015 của công ty mẹ - Thông qua kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015
9	09/NQHĐQT/2015	17/8/2015	-Thông qua việc mua xe tải Isuzu 4.700kg để phục vụ công tác công ty
10	10/NQHĐQT/2015	08/10/2015	-Thông qua báo cáo kết quả SXKD 9 tháng năm 2015 - Thông qua việc đổi tên đơn vị hợp tác xây dựng 223 Nguyễn Tri Phương từ Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Bất Động Sản Hoành Sơn thành Công ty Đầu Tư Xuất Nhập Khẩu Viễn Đông

d/ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập không trực tiếp tham gia điều hành tại Công ty nhưng cũng hỗ trợ từ xa như:

- Phụ trách các mối quan hệ với công ty mẹ.
- Phát triển kinh doanh thiết bị giáo dục tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ.
- Hỗ trợ kinh doanh các mặt hàng sách của Công ty.

e/ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f/ Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a/ Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát: Gồm có 03 người, Trưởng Ban là thành viên độc lập không phải là Người lao động trong Công ty, 01 thành viên là đại diện của cổ đông lớn là Công ty cổ phần Đầu Tư Kim Cương và 01 người còn lại là Người lao động trong Công ty.

STT	Họ và tên	Cơ cấu trong Ban Kiểm soát	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	B. Lê Phương Mai	Trưởng Ban	-	-
2	B. Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên	4.000	0,07
3	Ô. Vũ Văn Hà	Thành viên	-	-

b/ Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát hoạt động theo điều 163 của luật Doanh Nghiệp, chủ yếu giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty, ...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Năm 2015

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao
1	Từ Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	473.754	175.500	85.000
2	Trần Văn Hưng	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	380.939	114.500	56.000
3	Xà Thiệu Hoàng	Ủy viên HĐQT			28.000
4	Lê Kế Đức	Ủy viên HĐQT	111.300	73.000	28.000
5	Ngô Trần Vinh	Ủy viên HĐQT	46.243	87.500	28.000
6	Đỗ Thành Lâm	Ủy viên HĐQT			28.000
7	Trần Lê Quang	Ủy viên HĐQT			51.200
8	Lê Thị Phương Hảo	Ủy viên HĐQT			28.000
9	Lê Phương Mai	Trưởng ban kiểm soát			23.000
10	Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên BKS	128.572	30.000	34.400
11	Vũ Văn Hà	Thành viên BKS			17.000
12	Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	279.228	91.000	
13	Từ Trung Đan	Phó tổng giám đốc	258.303	91.000	
14	Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng kiêm TKý	246.390	60.000	25.400
15	Phạm Nhật Quyên	Thư ký Hội đồng quản trị	104.747	15.500	34.400
16	Đình Thu Hà	Thư ký Hội đồng quản trị	231.280	40.500	17.400

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2015, ông Từ Trung Đan, phó Tổng Giám Đốc công ty mua 4.400 cổ phiếu.


Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh- Kế toán trưởng bán 3.900 cổ phiếu.

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d/ Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Các đơn vị nghiêm chỉnh thực hiện và đó cũng là một trong các nguyên nhân giúp Công ty đạt được hiệu quả tốt trong năm 2015 trong điều kiện rất khó khăn của Công ty và toàn xã hội.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 221/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12/03/2016, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên


Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2016.



Phan Thị Lan Trang – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1936-2013-010-1

Báo cáo này được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh báo cáo hợp nhất đính kèm

Trang 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.124.751.236	100.244.007.326
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.132.017.283	31.647.748.400
1. Tiền	111		8.983.078.034	3.298.969.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.148.939.249	28.348.779.053
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.592.807.687	33.943.387.744
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.310.545.439	30.626.190.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.228.158.978	1.160.311.439
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		14.200.000	550.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	8	1.167.496.214	1.898.517.515
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(127.592.944)	(291.632.054)
IV. Hàng tồn kho	140	10	32.623.857.109	33.493.709.597
1. Hàng tồn kho	141		32.786.593.931	33.551.330.808
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(162.736.822)	(57.621.211)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		776.069.157	1.159.161.585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	610.869.851	967.536.986
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		165.199.306	191.624.599
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			51.882.128.933	43.330.407.683
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		89.200.000	52.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		89.200.000	52.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		32.340.570.459	28.367.631.363
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	32.340.570.459	28.367.631.363
- Nguyên giá	222		47.834.049.559	43.699.365.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.493.479.100)	(15.331.734.056)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.366.652.049	1.030.836.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	6.366.652.049	1.030.836.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.640.872.082	3.443.359.550
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.150.872.082	2.953.359.550
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.444.834.343	10.436.580.406
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	9.391.298.989	10.364.358.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		53.535.354	72.222.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142.006.880.169	143.574.415.009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. Nợ phải trả	300		37.362.023.628	47.340.908.535
I. Nợ ngắn hạn	310		36.657.123.628	46.663.066.868
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.174.991.784	12.486.927.760
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		868.904.927	1.190.163.900
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	16	388.251.951	665.282.485
4. Phải trả người lao động	314		1.877.688.069	6.324.512.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	986.299.453	684.857.953
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		682.191.080	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	790.100.548	5.230.222.042
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19a	14.068.400.000	14.367.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.820.295.816	5.714.099.985
II Nợ dài hạn	330		704.900.000	677.841.667
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	677.841.667
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19b	704.900.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.644.856.541	96.233.506.474
I. Vốn chủ sở hữu	410		104.644.856.541	96.233.506.474
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	5.144.921.943	4.366.905.716
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	17.893.331.260	16.408.409.578
5. Lợi nhuận sau thuế CPP	421	20	8.516.660.205	2.252.270.718
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		904.469.199	600.437.906
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.612.191.006	1.651.832.812
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.672.946.909	2.788.924.238
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		142.006.880.169	143.574.415.009



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	296.347.148.808	270.119.998.565
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.502.022.444	2.791.350.190
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		293.845.126.364	267.328.648.375
4. Giá vốn hàng bán	11	24	230.098.222.291	203.621.888.242
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		63.746.904.073	63.706.760.133
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.731.791.852	1.652.920.632
7. Chi phí tài chính	22	26	3.442.506.506	4.657.654.843
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.001.602.323	1.905.092.977
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		110.422.337	758.359.550
9. Chi phí bán hàng	25	27a	25.865.409.555	24.852.071.818
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b	21.936.948.493	24.275.281.650
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.344.253.708	12.333.032.004
12. Thu nhập khác	31	28	1.932.133.018	6.620.465.379
13. Chi phí khác	32	29	248.442.614	711.694.211
14. Lợi nhuận khác	40		1.683.690.404	5.908.771.168
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.027.944.112	18.241.803.172
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.039.502.347	2.938.738.027
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.121.212	(20.990.321)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.976.320.553	15.324.055.466
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		13.829.684.191	15.046.348.334
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		146.636.362	277.707.132
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.563	1.818
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.563	1.818



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.027.944.112	18.241.803.172
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.078.869.375	2.538.318.888
- Các khoản dự phòng	03	(58.923.499)	(290.777.385)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	56.484	(1.199.575)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.041.764.591)	(6.738.505.032)
- Chi phí lãi vay	06	2.001.602.323	1.905.092.977
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	19.007.784.204	15.654.733.045
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.987.353.089)	(1.712.081.454)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	764.736.877	(2.373.911.534)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.329.072.829)	(576.469.546)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.329.726.330	1.071.091.154
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.000.770.980)	(1.905.092.977)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.242.698.990)	(3.119.778.664)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	48.103.000	27.100.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.064.173.194)	(1.935.560.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.526.281.329	5.130.029.561
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(12.091.378.065)	(5.047.069.477)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	902.478.183	7.369.602.058
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.420.000.000)	(40.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	13.918.600.000	5.415.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.092.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	981.574.520	1.257.461.740
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.708.725.362)	6.862.994.321
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	4.711.644.001
2. Tiền thu từ đi vay	33	51.137.000.000	32.289.091.290
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(50.730.700.000)	(32.586.391.290)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.739.530.600)	(12.191.433.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.333.230.600)	(7.777.089.774)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.515.674.633)	4.215.934.108
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.647.748.400	27.430.614.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(56.484)	1.199.575
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.132.017.283	31.647.748.400



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;

- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong năm, Công ty không tái cấu trúc

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Tây Ninh

- Địa chỉ trụ sở chính: 403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
- Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh sách, thiết bị giáo dục, các loại học phẩm, ấn phẩm.
- Tỷ lệ sở hữu: 35,02%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo

quy định của thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông

không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 38) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định của Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu hồi tố đối với các thay đổi này.

4.3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư

được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.9 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 22%

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	535.100.646	233.130.834
Tiền gửi ngân hàng	8.447.977.388	3.065.838.513
Các khoản tương đương tiền	12.148.939.249	28.348.779.053
Cộng	21.132.017.283	31.647.748.400

6. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	1.888.138.198	1.358.834.541
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	1.286.339.454	1.922.283.532
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	706.779.970	279.022.957
Công ty CP Sách - TBGD Miền Nam	1.347.846.838	2.773.156.605
Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung	741.320.223	222.267.002
Các đối tượng khác	27.340.120.756	24.070.626.207
Cộng	33.310.545.439	30.626.190.844

Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết	1.888.138.198	1.358.834.541
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư	1.286.339.454	1.922.283.532
Công ty Sách TB GD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.347.846.838	2.773.156.605
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	706.779.970	279.022.957
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	69.534.940	75.374.900
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	563.806.490	524.353.299
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	741.320.223	222.267.002
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	54.243.150	-
Cộng		6.658.009.263	7.155.292.836

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
OMYACOLOR SA	409.431.542	-
Abington Partners Incorporatiing ScienceScope	586.184.568	-
Các đối tượng khác	232.542.868	1.160.311.439
Cộng	1.228.158.978	1.160.311.439

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	71.632.403	-	24.342.852	-
Tạm ứng	131.980.408	-	493.222.527	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-	25.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN	580.700	-	335.300	-
Phải thu khác	933.302.703	-	1.355.616.836	-
Cộng	1.167.496.214	-	1.898.517.515	-

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	(2.000.000)	(33.000.000)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(125.592.944)	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(178.318.694)
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	(80.313.360)
Cộng	(127.592.944)	(291.632.054)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.226.155.325	-	5.499.430.567	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	21.009.144	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.287.811.742	-	2.399.331.615	-
Thành phẩm	7.187.410.521	-	8.700.395.230	(6.436.411)
Hàng hóa	16.085.216.343	(162.736.822)	16.931.164.252	(51.184.800)
Cộng	32.786.593.931	(162.736.822)	33.551.330.808	(57.621.211)

Giá trị hàng tồn kho khó tiêu thụ tại 31/12/2015 là: 325.473.644 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2015, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	181.222.457	152.504.074
Chi phí sửa chữa	22.884.582	116.606.903
Chi phí bảo hiểm	9.293.280	93.163.764
Chi phí trả trước khác	397.469.532	605.262.245
Cộng	610.869.851	967.536.986

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	428.180.103	774.806.149
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	372.371.345	198.276.725
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	15.369.808	124.825.865
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	179.224.301	112.209.950
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	411.156.211	1.141.068.410
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.766.458.947	7.955.884.779
Chi phí trả trước dài hạn khác	218.538.274	57.286.306
Cộng	9.391.298.989	10.364.358.184

(*) Thuê 20.600 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.104.320.312	10.360.330.241	3.348.804.225	885.910.641	43.699.365.419
Tăng trong kỳ	-	1.225.184.000	2.435.409.090	58.276.000	3.718.869.090
Đầu tư XDCB HT	3.332.939.381	-	-	-	3.332.939.381
Th.lý, nhượng bán	-	2.495.927.255	314.908.887	-	2.810.836.142
Giảm khác	-	-	106.288.189	-	106.288.189
Số cuối kỳ	32.437.259.693	9.089.586.986	5.363.016.239	944.186.641	47.834.049.559
Khấu hao					
Số đầu năm	7.528.928.315	5.770.016.091	1.552.631.897	480.157.753	15.331.734.056
Tăng trong kỳ	1.186.882.153	1.244.972.473	506.150.349	140.864.400	3.078.869.375
T/lý, nhượng bán	-	2.495.927.255	314.908.887	-	2.810.836.142
Giảm khác	-	-	106.288.189	-	106.288.189
Số cuối kỳ	8.715.810.468	4.519.061.309	1.637.585.170	621.022.153	15.493.479.100
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.575.391.997	4.590.314.150	1.796.172.328	405.752.888	28.367.631.363
Số cuối kỳ	23.721.449.225	4.570.525.677	3.725.431.069	323.164.488	32.340.570.459

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.712.110.940 đồng .

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.647.806.914 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Xây dựng nhà máy Bình Dương	616.663.639	-
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	-	158.109.090
Sửa chữa nhà 780 Nguyễn Kiệm	4.386.352.046	190.909.092
Công trình 104/5 Mai Thị Lựu	1.363.636.364	681.818.182
Cộng	6.366.652.049	1.030.836.364

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2015					01/01/2015				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	49.000	490.000.000	-	
Cộng					490.000.000	-	490.000.000		-	

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Công ty nhận đầu tư với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách Giáo Dục TP HCM	148.772.634	166.460.762
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	327.229.745	284.911.500
Chi nhánh NXBGD tại Đà Nẵng	164.107.394	167.028.994
Công ty CP DV XBGD Gia Định	2.695.028.700	1.975.449.700
Các đối tượng khác	7.839.853.311	9.893.076.804
Cộng	11.174.991.784	12.486.927.760

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	327.229.745	284.911.500
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	148.772.634	166.460.762
Chi nhánh NXB GD tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư	164.107.394	167.028.994
Công ty CP Đầu tư PT GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	70.308.000	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	28.433.740	10.207.780
Công ty CP DV Xuất Bản GD Gia Định	Công ty nhận đầu tư	2.695.028.700	1.975.449.700
Các đối tượng khác		-	18.628.419
Cộng		3.433.880.213	2.622.687.155

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	174.331.761	759.083.681	860.887.521	72.527.921
Thuế nhập khẩu	-	24.424.547	24.424.547	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	292.488.714	2.039.502.347	2.242.698.990	89.292.071
Thuế TNCN	198.462.010	956.597.931	928.627.982	226.431.959
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.809.349.488	3.809.349.488	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	665.282.485	7.599.957.994	7.876.988.528	388.251.951

b. Phải thu

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT (Công ty con)	191.624.599	26.425.293	-	165.199.306
Cộng	191.624.599	26.425.293	-	165.199.306

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	790.937.610	483.322.553
Trích trước lãi vay	831.343	-
Chi phí học tập ngoại khóa cho học sinh, giáo viên	-	136.535.400
Trích trước chi phí khác	194.530.500	65.000.000
Cộng	986.299.453	684.857.953

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	18.855.519	447.732.725
Phải trả về Cổ phần hoá	-	723.771.000
Cổ tức phải trả	232.187.557	3.724.718.157
Các khoản phải trả, phải nộp khác	539.057.472	334.000.160
- <i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	479.626.472	117.306.472
- <i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	-	101.822.404
- <i>Phải trả khác</i>	59.431.000	114.871.284
Cộng	790.100.548	5.230.222.042

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	14.367.000.000	50.000.000.000	50.630.000.000	13.737.000.000
- Vay cá nhân	14.367.000.000	-	630.000.000	13.737.000.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	35.000.000.000	35.000.000.000	-
- NH TMCP Công thương CN 5	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	432.100.000	100.700.000	331.400.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	432.100.000	100.700.000	331.400.000
Cộng	14.367.000.000	50.432.100.000	50.730.700.000	14.068.400.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	1.137.000.000	100.700.000	1.036.300.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	1.137.000.000	100.700.000	1.036.300.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	1.137.000.000	100.700.000	1.036.300.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	331.400.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	704.900.000

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng vay số 066C15 ngày 02/06/2015. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận món vay

đầu tiên, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Isuzu. Lãi suất cho vay năm đầu tiên 7,22%, các năm tiếp theo theo lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả tính đến 31/12/2016: 331.400.000 đồng.

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2014	56.655.300.000	12.325.320.000	3.701.058.580	(3.275.267.777)	15.034.163.330	668.985.606
Tăng trong năm	-	1.436.376.224	692.885.346	-	1.402.059.725	15.101.200.021
Giảm trong năm	-	-	27.038.210	(3.275.267.777)	27.813.477	13.517.914.909
Số tại 31/12/2014	56.655.300.000	13.761.696.224	4.366.905.716	-	16.408.409.578	2.252.270.718
Số tại 01/01/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	4.366.905.716	-	16.408.409.578	2.252.270.718
Tăng trong kỳ	-	-	778.016.227	-	1.484.921.682	13.910.208.730
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	7.645.819.243
Số tại 31/12/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	5.144.921.943	-	17.893.331.260	8.516.660.205

b. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	2.252.270.718	668.985.606
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	13.829.684.191	15.046.348.334
Điều chỉnh do hợp nhất	80.524.539	54.851.687
Phân phối lợi nhuận năm trước	1.429.259.611	68.547.700
- Trích quỹ đầu tư phát triển	139.494.719	-
- Trích quỹ dự trữ	156.360.264	16.865.545
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	993.909.909	51.682.155
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	139.494.719	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	6.216.559.632	13.449.367.209
- Trích quỹ đầu tư phát triển	621.655.963	1.352.039.602
- Trích quỹ dự trữ	621.655.963	676.019.801
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.351.591.743	3.380.099.005
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	621.655.963	676.019.801
- Chia cổ tức		7.365.189.000
Lợi nhuận chưa phân phối	8.516.660.205	2.252.270.718

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ (USD)	502,37	9.309,60

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhi	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	164.052.785	Không còn khả năng thu hồi

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	117.809.113.480	102.550.753.415
Doanh thu thiết bị giáo dục	158.815.889.339	150.265.154.036
Doanh thu hoạt động dạy học	19.193.100.587	16.900.034.849
Doanh thu khác	529.045.402	404.056.265
Cộng	296.347.148.808	270.119.998.565

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	2.502.022.444	2.791.350.190
	2.502.022.444	2.791.350.190

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn sách và sản phẩm in	101.246.435.463	86.127.280.437
Giá vốn thiết bị giáo dục	114.491.776.887	109.038.705.241
Giá vốn hoạt động dạy học	13.978.068.159	8.293.547.168
Giá vốn khác	276.826.171	532.580.766
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	105.115.611	(370.225.370)
Cộng	230.098.222.291	203.621.888.242

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	970.064.071	1.177.494.419
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	65.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	691.122.932	401.480.422
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1.199.575
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	11.804.849	6.946.216
Cộng	1.731.791.852	1.652.920.632

26. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	2.001.602.323	1.905.092.977
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	56.484	-
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.440.847.699	2.749.756.097
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		2.805.769
Cộng	3.442.506.506	4.657.654.843

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương, các khoản trích theo lương	15.435.979.323	16.631.369.785
Khấu hao TSCĐ	174.813.336	18.499.984
Chi phí vận chuyển	3.038.806.853	2.882.531.678
Tiền thuê đất	2.322.807.600	1.557.395.652
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	2.918.068.742	1.342.601.190
Các khoản khác	1.974.933.701	2.419.673.529
Cộng	25.865.409.555	24.852.071.818

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương, trích theo lương	14.180.840.408	12.736.185.725
Khấu hao TSCĐ	494.803.380	581.628.631
Thù lao HĐQT	700.000.000	716.000.000
Tiền thuê đất	607.385.672	326.352.204
Các khoản khác	5.953.919.033	9.915.115.090
Cộng	21.936.948.493	24.275.281.650

28. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	902.478.183	520.172.229
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	161.981.753	186.349.085
Thanh lý công cụ hư hỏng	15.330.000	34.005.637
Chuyển nhượng vật tư	-	104.168.370
Cho thuê mặt bằng	229.549.288	371.622.483
Thu nhập khác	622.793.794	429.109.191
Cộng	1.932.133.018	6.620.465.379

29. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Giá trị vật tư chuyển nhượng	-	104.168.370
Giá trị vật tư, hàng kém chất lượng thanh lý	-	252.023.609
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	26.058.950	85.365.418
Chi phí cho thuê mặt bằng	210.043.446	85.046.212
Chi phí khác	12.340.218	185.090.602
Cộng	248.442.614	711.694.211

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.027.944.112	18.241.803.172
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	12.622.975.859	8.231.164.835
- Hoạt động khác không được ưu đãi	3.404.968.253	5.035.599.953
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	291.755.904	(198.142.770)
- Các khoản điều chỉnh tăng	521.584.301	880.525.249
+ Chi phí không được trừ	521.527.817	516.888.885
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.484	-
+ Lỗi tại công ty con	-	363.636.364
- Các khoản điều chỉnh giảm	229.828.397	1.078.668.019
+ Cổ tức được chia	58.800.000	65.800.000
+ Lỗi lũy kế tại Công ty con giải thể	-	13.027.755
+ Lãi Công ty liên kết	110.422.337	758.359.550
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.199.575
+ Lợi nhuận đã thực hiện	60.606.060	240.281.139
Tổng thu nhập chịu thuế	16.319.700.016	18.043.660.402
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	12.826.860.367	8.338.503.561
- Hoạt động khác không được ưu đãi	3.492.839.649	4.730.118.457
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.050.268.775	2.957.850.617
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.282.686.036	833.850.356
- Hoạt động khác không được ưu đãi	767.582.739	1.029.491.817
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	1.094.508.444
Thuế TNDN được miễn, giảm (ưu đãi tại Công ty con)	19.052.678	19.112.590
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.039.502.347	2.938.738.027
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.031.216.097	2.938.738.027
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	8.286.250	-

31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.829.684.191	15.046.348.334
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(4.973.247.706)	(5.189.523.434)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	4.973.247.706	5.189.523.434
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	8.856.436.485	9.856.824.900
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.421.253
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.563	1.818

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.091.431.204	49.952.833.706
Chi phí nhân công	42.215.977.625	41.888.837.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.078.869.375	2.580.659.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.784.794.376	17.930.167.610
Chi phí khác bằng tiền	9.425.325.031	10.084.298.110
Cộng	122.596.397.611	122.436.797.127

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014	
Mua hàng			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	23.616.300	248.998.950
Công ty Sách TB GD Miền Nam	Cung ứng SGK, bì bao	47.905.734.053	45.143.303.077
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Cung ứng STK, VHP	825.524.006	768.384.873
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	171.136.000	189.620.000
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Cung ứng TBGD	15.222.864	64.258.296
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Cung ứng STK, VHP	43.351.723.656	23.832.190.880
Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng	Cung ứng in ấn, bao thư	-	1.939.264.177
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Bản đồ	3.686.468.802	4.134.009.112
Bán hàng			
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	5.951.421.142	7.761.908.871
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Sách, thiết bị	67.577.840	87.049.640
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Sách, thiết bị	2.574.112.148	3.466.047.514
	Chuyển nhượng BĐS	-	10.000.000.000
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa	165.962.085	59.582.852
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Thiết bị	2.378.146.856	1.985.437.339
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	184.400.170	275.796.000
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	2.081.236.759	2.313.519.424
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	2.801.741.021	2.592.536.512
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Thiết bị	3.980.155.547	3.837.714.461
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị	Thù lao	700.000.000	795.056.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	2.528.582.900	2.389.861.200

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm 2015	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	19.193.100.587	158.815.889.339	118.338.158.882	296.347.148.808
Các khoản giảm trừ	68.257.500	1.402.799.142	1.030.965.802	2.502.022.444
Giá vốn hàng bán	13.978.068.159	114.491.776.887	101.628.377.245	230.098.222.291
Chi phí bán hàng	-	18.955.092.662	6.910.316.893	25.865.409.555
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.737.216.346	12.604.575.849	4.595.156.298	21.936.948.493
Chi phí lãi vay thuần	(14.322.833)	292.907.241	752.953.844	1.031.538.252
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	(729.848.767)	50.672.365	(679.176.402)
Thu nhập khác	315.616.826	93.062.150	1.523.454.042	1.932.133.018
Chi phí khác	214.519.350	19.744.094	14.179.170	248.442.614
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				110.422.337
Lợi nhuận kế toán trước thuế	524.978.891	10.412.206.847	4.980.336.037	16.027.944.112
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2015				
Phải thu của khách hàng	1.229.164.810	31.472.782.602	608.598.027	33.310.545.439
Hàng tồn kho	129.176.336	25.090.207.223	7.567.210.372	32.786.593.931
Tài sản cố định hữu hình				32.340.570.459
- Tài sản cố định HH của bộ phận	816.878.912	22.839.296.331	489.146.522	24.145.321.765
+ Nguyên giá	1.430.786.363	30.646.212.162	1.144.586.415	33.221.584.940
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(613.907.451)	(7.806.915.831)	(655.439.893)	(9.076.263.175)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	8.195.248.694
+ Nguyên giá	-	-	-	14.612.464.619
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(6.417.215.925)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	43.569.170.340
Tổng Tài sản				142.006.880.169
Phải trả người bán	12.249.110	5.045.789.799	6.116.952.875	11.174.991.784
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	26.187.031.844
Tổng Nợ phải trả				37.362.023.628

Năm 2014	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	16.900.034.849	150.265.154.036	102.954.809.680	270.119.998.565
Các khoản giảm trừ	-	2.001.785.433	789.564.757	2.791.350.190
Giá vốn hàng bán	9.269.345.835	109.069.671.680	85.282.870.727	203.621.888.242
Chi phí bán hàng	-	17.178.103.623	7.673.968.195	24.852.071.818
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.361.582.850	11.525.597.285	5.388.101.515	24.275.281.650
Chi phí lãi vay thuần	(13.724.561)	352.177.956	389.145.163	727.598.558
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	(241.127.250)	(2.036.008.403)	(2.277.135.653)
Thu nhập khác	135.545.455	341.572.145	6.143.347.779	6.620.465.379
Chi phí khác	86.556.257	301.862.547	323.275.407	711.694.211
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				758.359.550
Lợi nhuận kế toán trước thuế	331.819.923	9.936.400.407	7.215.223.292	18.241.803.172

Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2014

Phải thu của khách hàng	1.622.724.160	27.295.557.195	1.707.909.489	30.626.190.844
Hàng tồn kho	41.579.081	27.859.261.702	5.650.490.025	33.551.330.808
Tài sản cố định hữu hình				28.367.631.363
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.002.653.432	20.577.154.812	521.761.754	22.101.569.998
+ Nguyên giá	1.430.786.363	26.591.182.264	3.107.452.870	31.129.421.497
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(428.132.931)	(6.014.027.452)	(2.585.691.116)	(9.027.851.499)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	6.266.061.365
+ Nguyên giá	-	-	-	12.569.943.922
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(6.303.882.557)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	51.029.261.994
Tổng Tài sản				143.574.415.009
Phải trả người bán	305.350.681	4.389.852.183	7.791.724.896	12.486.927.760
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	34.853.980.775
Tổng Nợ phải trả				47.340.908.535

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	USD	USD
Tài sản tài chính (Tiền gửi ngân hàng)	502,37	9.309,60

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.174.991.784	-	11.174.991.784
Chi phí phải trả	986.299.453	-	986.299.453
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	14.068.400.000	704.900.000	14.773.300.000
Phải trả khác	771.245.029	-	771.245.029
Cộng	27.000.936.266	704.900.000	27.705.836.266
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	12.486.927.760	-	12.486.927.760
Chi phí phải trả	684.857.953	-	684.857.953
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	14.367.000.000	-	14.367.000.000
Phải trả khác	4.782.489.317	-	4.782.489.317
Cộng	32.321.275.030	-	32.321.275.030

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	21.132.017.283	-	21.132.017.283
Phải thu khách hàng	33.182.952.495	-	33.182.952.495
Phải thu về cho vay	14.200.000	89.200.000	103.400.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	1.035.515.806	-	1.035.515.806
Cộng	55.364.685.584	579.200.000	55.943.885.584
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	31.647.748.400	-	31.647.748.400
Phải thu khách hàng	30.334.558.790	-	30.334.558.790
Phải thu về cho vay	550.000.000	52.000.000	602.000.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	1.405.294.988	-	1.405.294.988
Cộng	63.937.602.178	542.000.000	64.479.602.178

36. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên

và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được điều chỉnh hồi tố theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 04/09/2015 về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ. Ngoài ra, một số chỉ tiêu cũng được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01/01/2015 Đã hồi tố	31/12/2014	Chênh lệch	Ghi chú
Phải thu về cho vay ngắn hạn	550.000.000	-	550.000.000	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	1.898.517.515	1.380.294.988	518.222.527	(1)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(57.621.211)	(56.852.122)	(769.089)	(6)
Tài sản ngắn hạn khác	-	518.222.527	(518.222.527)	(1)
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	43.699.365.419	40.860.242.868	2.839.122.551	(5)
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(15.331.734.056)	(14.587.018.117)	(744.715.939)	(5)
Chi phí trả trước dài hạn	10.364.358.184	11.616.541.976	(1.252.183.792)	(5)
Phải trả người bán ngắn hạn	12.486.927.760	12.595.068.984	(108.141.224)	(2)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.190.163.900	1.210.345.532	(20.181.632)	(2)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	665.282.485	538.800.402	126.482.083	(7)
Chi phí phải trả ngắn hạn	684.857.953	752.758.233	(67.900.280)	(3)
Phải trả ngắn hạn khác	5.230.222.042	5.245.117.092	(14.895.050)	(4)
Quỹ đầu tư phát triển	16.408.409.578	12.549.012.377	3.859.397.201	(1)
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.859.397.201	(3.859.397.201)	(1)
LNST chưa phân phối kỳ này	1.651.832.812	725.742.978	926.089.834	(7)
BÁO CÁO KQHĐ KINH DOANH	Năm 2014 Đã hồi tố	Năm 2014	Chênh lệch	Ghi chú
Giá vốn hàng bán	203.621.888.242	204.478.237.023	(856.348.781)	(4)(5)(6)
Chi phí bán hàng	24.852.071.818	24.919.972.098	(67.900.280)	(3)
Thu nhập khác	6.620.465.379	12.304.901.910	(5.684.436.531)	(1)(2)
Chi phí khác	711.694.211	6.524.453.598	(5.812.759.387)	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.241.803.172	17.189.231.255	1.052.571.917	(7)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.938.738.027	2.812.255.944	126.482.083	(7)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.324.055.466	14.397.965.632	926.089.834	(7)
LNST của cổ đông công ty mẹ	15.046.348.334	14.120.258.500	926.089.834	(7)

(1) Trình bày lại số liệu nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp;

Điều chỉnh hồi tố theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 04/09/2015:

(2) Xử lý xóa nợ phải trả trên 3 năm, không có người nhận (Chỉ tiêu “phải trả người bán” là 108.141.224 đồng và “Người mua trả tiền trước” là 20.181.632 đồng) vào “Thu nhập khác” 128.322.856 đồng;

(3) Điều chỉnh giảm khoản trích trước chi phí hoa hồng môi giới, số tiền: 67.900.280 đồng. Theo đó, chỉ tiêu “Chi phí bán hàng” và khoản mục “Chi phí phải trả ngắn hạn” cùng giảm 67.900.280 đồng;

(4) Giảm chi phí thiết kế, biên soạn các loại sổ đầu bài, sổ điểm, sổ ghi tên ... do tạm trích nhiều hơn so với thanh lý hợp đồng, số tiền: 14.895.050 đồng. Theo đó, chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” và khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác” cùng giảm 14.895.050 đồng;

- (5) Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình, trích khấu hao (nhà xưởng tại 122 Phan Văn Trị) thay cho các bút toán ghi nhận chi phí sửa chữa lớn và phân bổ chi phí của Công ty. Theo đó, nguyên giá: TSCĐ hữu hình tăng 2.839.122.551 đồng, tăng khấu hao lũy kế đến 31/12/2014 là 744.715.939 đồng (Trong đó, khấu hao lũy kế đến 31/12/2013 là 271.528.847 đồng và chi phí khấu hao năm 2014: 473.187.092 đồng); Đồng thời, hủy bút toán phân bổ chi phí sửa chữa năm 2014 là 1.315.409.912 đồng. Việc điều chỉnh trên làm khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” giảm đi 1.252.183.792 đồng và chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” giảm 842.222.820 đồng;
- (6) Điều chỉnh tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, số tiền: 769.089 đồng dẫn đến khoản mục “Giá vốn hàng bán” tăng một lượng tương ứng;
- (7) Tổng hợp điều chỉnh tại các mục: 2, 3, 4, 5, 6 làm cho chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất tăng 1.052.571.917 đồng; Theo đó, chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hiện hành” và khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” cùng tăng lên 126.482.083 đồng; Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN”, “LNST của cổ đông công ty mẹ” trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất và khoản mục “LNST chưa phân phối kỳ này” trên Bảng CĐKT hợp nhất cùng tăng 926.089.834 đồng.



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hưng